

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Giấy CNĐKKD số 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2002, thay đổi lần thứ 6 ngày 17/10/2009

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/QĐ — SGĐCKHCM do Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày/tháng/năm 20..

TỔ CHỨC TƯ VẤN



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

Số 297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Thị Thúy Hằng

Số 297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3865 0258

Fax: (84 - 8) 3865 0394

Điện thoại: (84 - 4) 3928 8888

Fax: (84 - 4) 3928 9888

Điện thoại: (84 - 8) 3821 8564

Fax: (84 - 8) 3821 8566

Điện thoại: (84 - 8) 3865 2476

Fax: (84 - 8) 3865 0394

12/2009



MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 4 |
| 1. Rủi ro về kinh tế:..... | 4 |
| 2. Rủi ro cạnh tranh: | 4 |
| 3. Rủi ro về hàng giả, hàng nhái:..... | 4 |
| 4. Rủi ro tỷ giá hối đoái: | 4 |
| 5. Rủi ro về pháp luật: | 5 |
| 6. Rủi ro về nguồn nguyên liệu: | 5 |
| 7. Rủi ro nhân lực, năng lực quản lý:..... | 5 |
| 8. Rủi ro khác: | 6 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH: | 7 |
| 1. Tổ chức niêm yết:..... | 7 |
| 2. Tổ chức tư vấn: | 7 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM:..... | 8 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT: | 9 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:..... | 9 |
| 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:..... | 9 |
| 1.2. Giới thiệu về Công ty:..... | 10 |
| 2. Cơ cấu bộ máy tổ chức: | 10 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty: | 11 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/03/2010:..... | 14 |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết: | 15 |
| 5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar: | 15 |
| 5.2. Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: | 15 |
| 6. Hoạt động kinh doanh:..... | 15 |



| | | |
|------------|---|-----------|
| 6.1 | Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ:..... | 15 |
| 6.2 | Sản lượng tiêu thụ, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm: | 17 |
| 6.3 | Nguyên vật liệu: | 19 |
| 6.4 | Chi phí sản xuất:..... | 21 |
| 6.5 | Trình độ công nghệ:..... | 22 |
| 6.6 | Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:..... | 26 |
| 6.7 | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ: | 27 |
| 6.8 | Hoạt động Marketing:..... | 29 |
| 6.9 | Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ: | 30 |
| 6.10 | Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết: | 34 |
| 7. | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: | 34 |
| 7.1 | Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2007, 2008 và năm 2009:..... | 34 |
| 7.2 | Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009: | 35 |
| 8. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành: | 36 |
| 9. | Chính sách đối với người lao động:..... | 42 |
| 9.1. | Số lượng người lao động trong Công ty: | 43 |
| 9.2. | Chính sách đối với người lao động: | 43 |
| 10. | Chính sách cổ tức:..... | 44 |
| 11. | Tình hình hoạt động tài chính: | 44 |
| 11.1. | Các chỉ tiêu cơ bản: | 44 |
| 11.2. | Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: | 47 |
| 12. | Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát:..... | 47 |
| 12.1. | Danh sách thành viên Hội đồng quản trị: | 47 |
| 12.2. | Danh sách thành viên Ban kiểm soát:..... | 55 |
| 12.3. | Danh sách thành viên Ban tổng giám đốc:..... | 59 |
| 12.4. | Kế toán trưởng :..... | 60 |
| 13. | Tài sản:..... | 61 |
| 13.1. | Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009: | 61 |
| 13.2. | Danh mục đất đai Công ty đang quản lý: | 61 |
| 14. | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012: | 62 |
| 15. | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:..... | 64 |
| 16. | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: | 64 |
| 17. | Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu: | 64 |



| | |
|---|-----------|
| V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT: | 65 |
| 1. Loại cổ phiếu: | 65 |
| 2. Mệnh giá: | 65 |
| 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: | 65 |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định : | 65 |
| 5. Giá niêm yết dự kiến: | 65 |
| 6. Phương pháp tính giá: | 65 |
| 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:..... | 67 |
| 8. Các loại thuế có liên quan: | 67 |
| VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT: | 67 |
| 1. Tổ chức tư vấn: | 67 |
| 2. Tổ chức kiểm toán: | 67 |
| VII. PHỤ LỤC: | 68 |



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Trong giai đoạn 2000 – 2006, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam đạt khoảng 7%/năm. Năm 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là 8,4% và đánh dấu bước phát triển mới sau khi chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Những số liệu trên cho thấy Việt Nam là một trong những nước phát triển ổn định và bền vững trong khu vực Châu Á. Từ việc tham gia vào WTO, nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn chặt với kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sang năm 2008, nền kinh tế thế giới bị suy thoái trầm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam. Một số các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng tín dụng, sự giảm sút thị trường chứng khoán và bong bóng bất động sản phát sinh đã làm cho tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2008 chỉ đạt 6,23% so với mức 8,6% năm 2007 (Nguồn: Tổng cục Thống kê). Năm 2009 GDP của Việt Nam chỉ tăng 5,32% (Nguồn: Tổng cục thống kê). Là một chủ thể của nền kinh tế Việt Nam, MEKOPHAR cũng đã gặp những khó khăn nhất định trong việc duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro cạnh tranh:

Sự gia nhập ngành của các doanh nghiệp dược mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường nội địa.

Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia các công ty hoạt động trong lĩnh vực dược từ nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại. Từ đó, tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn đối với các doanh nghiệp sản xuất tân dược trong nước về mặt giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm. Việc tăng tốc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm là hết sức cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp dược nói chung và MEKOPHAR nói riêng.

3. Rủi ro về hàng giả, hàng nhái:

Hiện nay trên thị trường tỷ lệ dược phẩm làm giả, làm nhái chiếm tỷ lệ khá cao, theo thống kê của Tổ chức quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) Cộng hòa Ý tại Việt Nam (thuộc Viện Ngoại thương Ý) vừa công bố kết quả khảo sát về “hàng giả và nhận thức về hàng giả ở VN”. Kết quả cho thấy nhóm sản phẩm, nhóm hàng bị làm giả nhiều nhất gồm: dệt may, giày dép, rượu, hàng gia dụng, kim khí điện máy, mỹ phẩm, dược phẩm. 83% hàng giả bán ở Hà Nội có nguồn gốc từ Trung Quốc và 65% hàng giả bán ở TPHCM do chính các nhà sản xuất hàng giả nội địa làm.

Tại các thị trường xuất khẩu của Công ty cũng đã xuất hiện hàng giả nhãn hiệu MEKOPHAR, đặc biệt là thị trường Châu Phi nơi Công ty có tỷ trọng xuất khẩu lớn. Điều này nếu không được ngăn chặn và can thiệp sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín và thương hiệu của MEKOPHAR trên thị trường thế giới.

4. Rủi ro tỷ giá hối đoái:

Nguồn nguyên liệu để sản xuất dược phẩm của Công ty chủ yếu là phải nhập khẩu từ nước



ngoài. Do đó, giá cả của nguyên liệu nhập kho của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá, điều này đòi hỏi Công ty phải có sự linh hoạt trong lựa chọn thời điểm nhập và dự trữ nguyên liệu hợp lý để có thể hạn chế ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá. Không nằm ngoài quy luật đó, mặt hàng tân dược xuất khẩu của Công ty cũng chịu tác động do sự biến động của tỷ giá ngoại tệ.

5. **Rủi ro về pháp luật:**

Là Công ty cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động của MEKOPHAR chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

6. **Rủi ro về nguồn nguyên liệu:**

Nguyên liệu đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó phần lớn là nhập khẩu. Với tình hình biến động thường xuyên trên thế giới về giá cả nguyên liệu dược do sự biến động về giá xăng dầu, về tình hình chính trị, dịch bệnh xảy ra khắp nơi... Những biến động trên ắt hẳn sẽ gây ra sự tăng giá nguyên liệu, sự khan hiếm nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 40% - 60%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu bao gồm:

- Hiện nay do tình hình chính trị của các nước Trung Đông (khu vực xuất khẩu dầu lớn nhất của thế giới) có nhiều biến động cộng với nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên thế giới ngày càng tăng làm cho giá dầu đang trong tình trạng tăng giá liên tục, điều này đồng nghĩa với việc giá xăng dầu tại Việt Nam cũng đang điều chỉnh tăng theo tình hình chung.
- Ảnh hưởng của lạm phát: Do ảnh hưởng của lạm phát, gần đây giá một số nguyên vật liệu cũng như hàng hóa các loại đều tăng. Nguyên nhân chính của lạm phát ở Việt Nam hiện nay cũng vì giá xăng dầu tăng làm kéo theo các ngành nghề, các mặt hàng đều tăng giá đồng loạt.

Tóm lại, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của những rủi ro về giá nguyên vật liệu. Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

7. **Rủi ro nhân lực, năng lực quản lý:**

Công ty hiện phát triển với tốc độ cao luôn cần một lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới phân phối và điều hành các mặt hoạt động của Công ty. Lực lượng lao động được đào tạo hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là trong ngành dược. Do đó, rủi ro

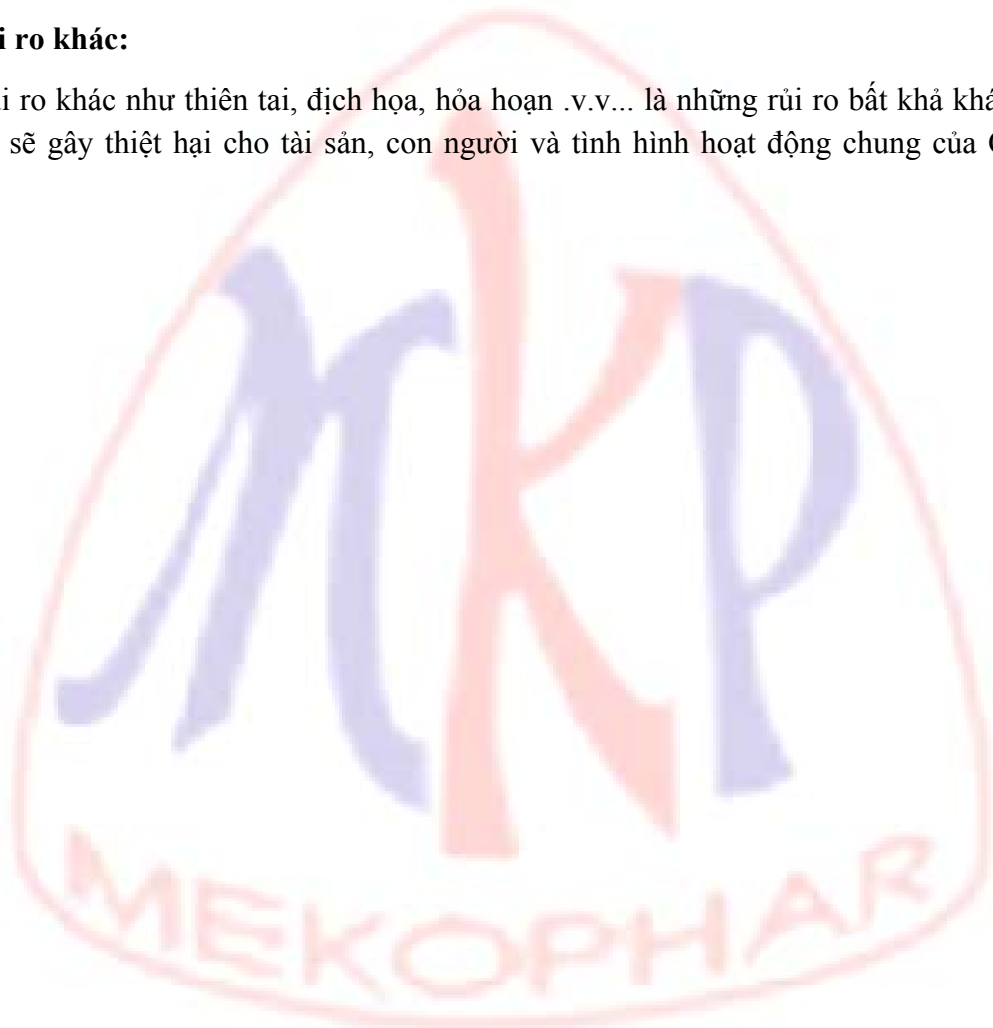


về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực nếu không có chính sách nhân sự và chính sách thu hút nhân tài hợp lý.

Tuy vậy, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty đa số là những cán bộ lâu năm trong ngành với nhiều kinh nghiệm, được thường xuyên đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao là thấp.

8. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng. Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.





II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

1. Tổ chức niêm yết:

| | |
|----------------------------|---|
| Bà Huỳnh Thị Lan | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |
| Bà Lê Thị Thúy Hằng | Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |
| Bà Trần Thị Yến | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

Đại diện tổ chức tư vấn:

Ông Võ Hữu Tuấn

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM:

| | |
|-----------------|---|
| Công ty: | Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |
| Tổ chức tư vấn: | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| BVSC: | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt |
| MEKOPHAR: | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |
| MKP: | Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar |
| HĐQT: | Hội đồng quản trị |
| BKS: | Ban kiểm soát |
| BTGD: | Ban Tổng Giám đốc |
| TGD: | Tổng Giám đốc |
| P.TGD: | Phó Tổng Giám đốc |
| CNĐKKD: | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| UBND: | Ủy ban Nhân dân |
| TNHH: | Trách nhiệm hữu hạn |
| QLDN: | Quản lý doanh nghiệp |
| CPQL: | Chi phí quản lý |
| CPBH: | Chi phí bán hàng |
| CBCNV: | Cán bộ công nhân viên |
| GMP: | Thực hành tốt sản xuất thuốc (good manufacturing practices) |
| GLP: | Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (good laboratory practices) |
| GSP: | Thực hành tốt bảo quản thuốc (good storage practices) |
| GTSP: | Giới thiệu sản phẩm |
| UBCKNN: | Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước |
| SGDCK TP.HCM: | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| HOSE: | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| BHXH: | Bảo hiểm xã hội |



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 được thành lập theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 24 đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty khi cổ phần hoá là 36 tỷ đồng trong đó nhà nước nắm giữ 45%. Ngày 27 tháng 03 năm 2006, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã biểu quyết thông qua việc phát hành cổ phiếu thường nâng vốn điều lệ lên 54 tỷ đồng, nguồn sử dụng cho việc tăng vốn lấy từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

Vào năm 2006, Công ty tiến hành đăng ký chào bán 3 triệu cổ phiếu (*trong đó, chào bán riêng lẻ 1.200.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, chào bán cho cán bộ công nhân viên 1.200.000 cổ phiếu và đấu giá công khai qua Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh 600.000 cổ phiếu*) ra công chúng nâng vốn điều lệ lên 84 tỷ đồng.

Ngày 19 tháng 12 năm 2006, Công ty tăng vốn điều lệ lên 84 tỷ đồng và 92,1 tỷ đồng đến 15 tháng 09 năm 2008.

MEKOPHAR là một trong những doanh nghiệp Dược đầu tiên của Việt Nam đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Công ty đã không ngừng đầu tư máy móc, trang thiết bị, cải tạo và xây dựng nhà xưởng để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, đến nay Công ty đã đưa vào hoạt động các phân xưởng đạt tiêu chuẩn GMP-WHO như: phân xưởng thuốc kháng sinh β -lactam (Betalactam) với 2 bộ phận trực thuộc là bộ phận nguyên liệu và bộ phận thành phẩm; phân xưởng hoá dược; phân xưởng dược phẩm với các bộ phận trực thuộc như bộ phận thuốc uống Non- β lactam (Non-Betalactam), bộ phận dịch truyền, bộ phận kháng sinh bột tiêm, bộ phận thuốc nhỏ mắt cùng bộ phận thuốc nước và thuốc mỡ. Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP, hệ thống kho đạt tiêu chuẩn GSP.

Hiện nay, Công ty đang được cấp phép sản xuất trên 300 sản phẩm các loại. Sản phẩm của MEKOPHAR được sản xuất trên quy trình và trang thiết bị hiện đại, đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ y tế.

Ngày 30 tháng 09 năm 2008, MEKOPHAR nhận giấy chứng nhận thực hành sản xuất thuốc của Cục quản lý Dược về đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới.


Những giải thưởng, danh hiệu cao quý mà Công ty nhận được trong quá trình hoạt động:

| NĂM | DANH HIỆU | CẤP KHEN THƯỞNG |
|-----------|-------------------------------|----------------------|
| 2006 | Huân chương lao động hạng Nhì | Chủ tịch nước |
| 2006 | Cờ thi đua | Chính phủ |
| 2008 | Cờ thi đua | Bộ Y tế |
| 2002-2008 | Bằng khen | UBND Tp. Hồ Chí Minh |



| NĂM | DANH HIỆU | CẤP KHEN THƯỞNG |
|------|--|-----------------|
| 2008 | Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động | Bộ Y tế |

1.2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar;
- Tên giao dịch: MEKOPHAR CHEMICAL PHARMACEUTICAL JOINT – STOCK COMPANY;
- Tên viết tắt: MEKOPHAR;
- Logo: 
- Vốn điều lệ: 92.100.000.000 VNĐ (Chín mươi hai tỷ một trăm triệu đồng Việt Nam);
- Tương ứng với : 9.210.000 cổ phiếu phổ thông;
- Trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM;
- Điện thoại: (84-8) 3865 0258 - (84-8) 3865 0363
- Fax: (84-8) 3865 0394
- Website: <http://www.mekophar.com.vn>;
- Email: info@mekophar.com.vn;
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/10/2009.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế;
 - Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton);
 - Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống);
 - Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng;
 - Cho thuê căn hộ.

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar:
 Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp.HCM.
 Điện thoại: (84-8) 3865 0258 Fax: (84-8) 3865 0394
 Với tổng diện tích khoảng 18.600m², trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm



việc của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty và các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phòng Đảm bảo chất lượng (QA), Phòng Kiểm tra chất lượng (QC), Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Thống kê - Kế toán và cũng là nơi đặt các phân xưởng sản xuất thuốc chính.

- Các chi nhánh của Công ty: chi nhánh của Công ty quản lý các Nhà phân phối của Công ty (các công ty kinh doanh dược có năng lực phân phối trên toàn quốc), làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra chặt chẽ chất lượng hàng tồn kho và nhu cầu dự trữ, kiểm tra và quản lý công nợ.

| STT | CHI NHÁNH | LIÊN LẠC |
|-----|-------------------|---|
| 1 | Chi nhánh Hà Nội | 95 Láng Hạ, Q.Đống Đa, Tp.Hà Nội. Điện thoại: (04) 3856 1353 Fax: (04) 3514 2297 |
| 2 | Chi nhánh Đà Nẵng | 70 Phan Văn Nghị, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng Điện thoại: (0511) 365 3179 Fax: (0511) 365 3177 |
| 3 | Chi nhánh Cần Thơ | 17A CMT8, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ Điện thoại: (0710) 382 5400 Fax: (0710) 376 2050 |

- Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm: giữ nhiệm vụ bán và giới thiệu các sản phẩm của Công ty đến người sử dụng, làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay Công ty có 05 cửa hàng giới thiệu sản phẩm đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh:

| STT | TÊN CỬA HÀNG | LIÊN LẠC |
|-----|--|----------------------------|
| 1 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Văn phòng Công ty | Điện thoại: 08 – 3865 0258 |
| 2 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP.HCM | Điện thoại: 08 – 3215 4164 |
| 3 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 940 Ba Tháng Hai, Quận 11, TP.HCM | Điện thoại: 08 – 3865 3125 |
| 4 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 10 Trần Huy Liệu, Q.Phú Nhuận, TP.HCM | Điện thoại: 08 - 3997 1887 |
| 5 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm 192 Pasteur, Q.3, TP.HCM | Điện thoại: 08 - 3822 5160 |

3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị:



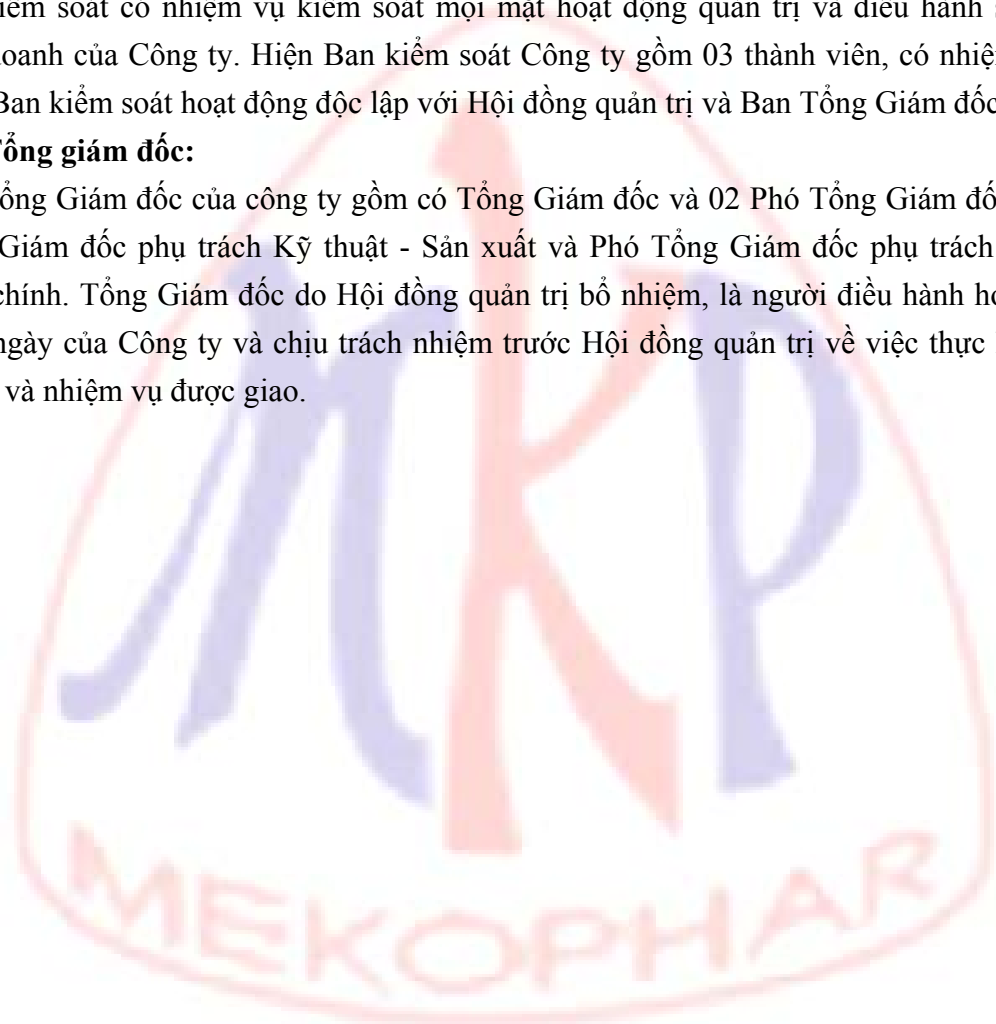
Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có từ 05 đến 09 thành viên. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar có 08 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

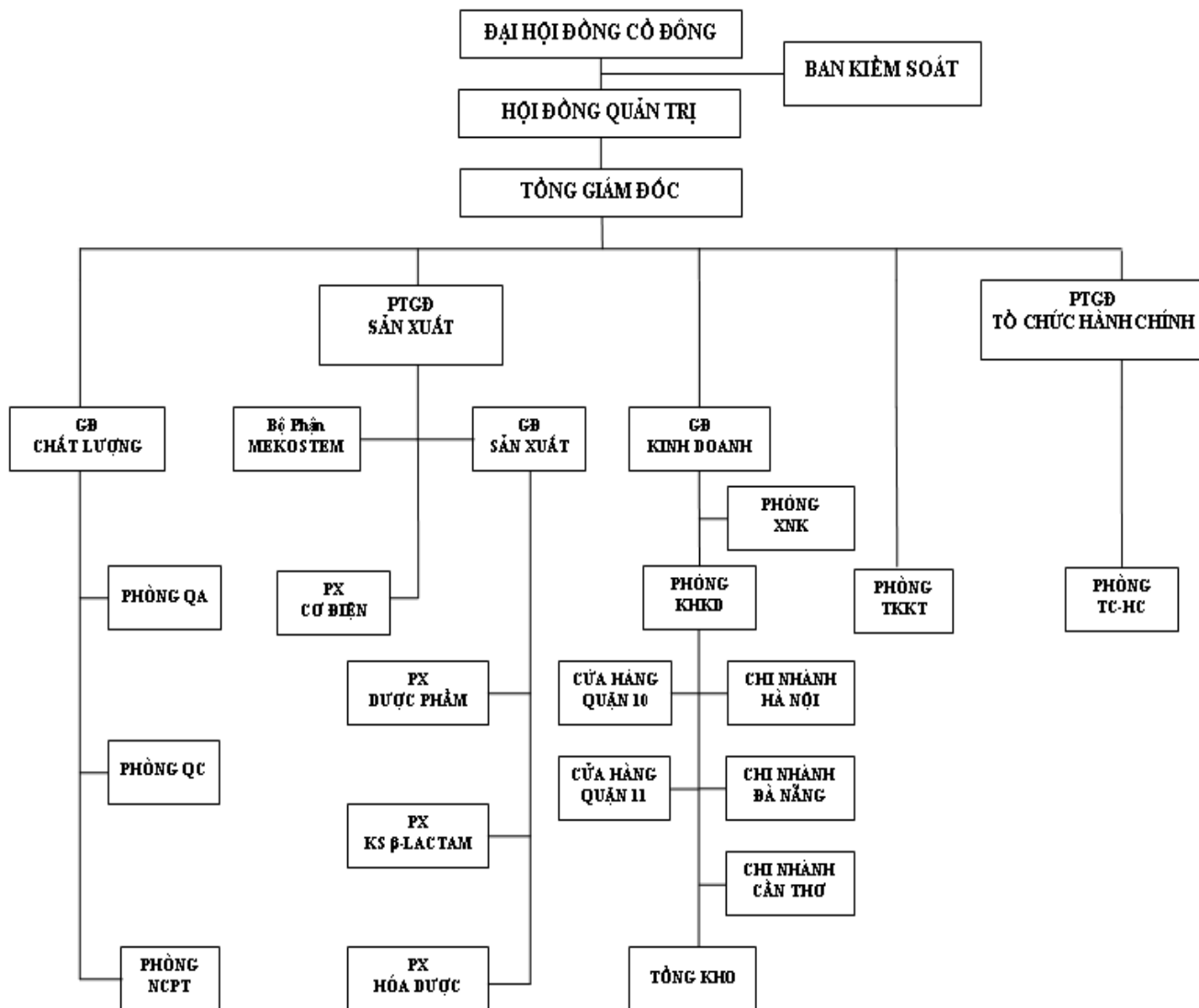
Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật - Sản xuất và Phó Tổng Giám đốc phụ trách tổ chức hành chính. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.





CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/03/2010:

| STT | TÊN CỔ ĐÔNG | ĐỊA CHỈ | SLCP SỞ HỮU | TỈ LỆ (%) |
|-----|--|---|-------------|-----------|
| 1 | TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM, đại diện bởi: | Số 138B Giảng Võ, Hà Nội | 2.673.000 | 29,02% |
| a. | <i>Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh</i> | | 1.386.000 | 15,05% |
| b. | <i>Bà Phan Thị Lan Hương</i> | | 1.287.000 | 13,97% |
| 2 | BÀ HUỖNH THỊ LAN | Số 28/14 Cách mạng Tháng tám, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh | 497.633 | 5,40% |

Căn cứ theo giấy CNĐKKD số 4103000833 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/10/2009, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

| STT | TÊN CỔ ĐÔNG | SỐ CỔ PHẦN ⁽¹⁾ | ĐỊA CHỈ |
|-----|---|---------------------------|---|
| 1 | ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC: ⁽²⁾ bà Huỳnh Thị Lan | 162.000 | Số 28/14 Cách mạng Tháng tám, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| 2 | HUỖNH THỊ LAN | 5.000 | Số 28/14 Cách mạng Tháng tám, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| 3 | ĐẶNG THỊ KIM LAN | 3.500 | Số 26/16-18 Sư Vạn Hạnh (nội dài), Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh |
| 4 | NGUYỄN THÀNH CHỈNH | 3.500 | Số 16A3 Cư xá 307, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh |
| 5 | BÙI CHÍ KÍNH | 2.000 | Số 299/23 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh |
| 6 | LÊ QUANG ĐÁN | 2.000 | Số 595/17B Cách mạng Tháng tám, Phường 15, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh |
| 7 | NGUYỄN KIM THÚY | 2.000 | Số 235/12 Bạch Đằng, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh |
| 8 | TRẦN VĂN SƠN | 2.000 | Số 22 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh |
| 9 | 850 CỔ ĐÔNG KHÁC | 178.000 | |

(1): Mệnh giá là 100.000 đồng/cổ phần.

(2): Đến ngày 25/03/2008, phần vốn của Nhà nước tại Mekophar được đại diện bởi bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh và bà Phan Thị Lan Hương.



Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/03/2010 như sau:

| STT | Cổ đông | Số cổ phần sở hữu (Cổ phần) | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------|-----------------------------|----------------|
| 1 | Trong nước | 8.328.257 | 90,43% |
| 2 | Ngoài nước | 732.592 | 7,95% |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 149.151 | 1,62% |
| | Tổng | 9.210.000 | 100,00% |
| 1 | Cá nhân | 5.370.536 | 58,31% |
| 2 | Tổ chức | 3.690.313 | 40,07% |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 149.151 | 1,62% |
| | Tổng | 9.210.000 | 100,00% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết:

- 5.1. *Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar:* không có
- 5.2. *Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:* không có
- 5.3. *Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar đang liên doanh, liên kết:*
 - Công ty TNHH Bệnh viện Tư nhân Đa khoa An Sinh, tỷ lệ nắm giữ là 22%.
 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Mekong, tỷ lệ nắm giữ là 22%.

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1 Các chủng loại sản phẩm, dịch vụ:

- Về hình thức Công ty sản xuất 05 nhóm thuốc chính là: nhóm kháng sinh bột tiêm, nhóm dịch truyền, nhóm thuốc uống beta-lactam, nhóm thuốc uống non-beta-lactam, nhóm thuốc nước và thuốc mỡ.
 - Về tính năng điều trị các loại thuốc do Công ty sản xuất chủ yếu là các loại thuốc kháng sinh, các loại thuốc hạ sốt và kháng viêm, các loại thuốc đặc trị và các loại thuốc bổ.
- Bên cạnh đó, Công ty còn sản xuất nguyên liệu kháng sinh để phục vụ sản xuất thành phẩm của mình và cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp dược khác ở trong và ngoài nước.
- Sản phẩm của Công ty rất đa dạng, với trên 200 chủng loại sản phẩm khác nhau có chất lượng tốt, mẫu mã bao bì đẹp, giá cả hợp lý nên luôn nhận được sự tín nhiệm lựa chọn của khách hàng, đặc biệt là các bệnh viện trong cả nước.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

NHÓM KHÁNG SINH BỘT TIÊM:



AMPICILINE AUGBACTAM CEFOTAXIM 1G MEKOZINCEF PENICILIN G 1000000

NHÓM DỊCH TRUYỀN:



GLUCOSE LACTAT RINGER MEKOAMIN-S NATRI CLORID SORBITOL 3,3%

NHÓM THUỐC UỐNG BÊTA-LACTAM:



AMOXICILIN AMPICILLIN CEFIXIM MPK MEKO CLOXACIN MEKO CEFACLOR



MEKOCEFAL QUINCEL CEPHALEXIN MEKOPEN

NHÓM THUỐC UỐNG NON-BÊTALACTAM:



ACETYLCYSTEIN AZIPHAR SHINING DISOLVAN LANTASILIM



MEKO MORIVITAL MEKO BC-COMPLEX MEKOLACTAGIL MYCOCID NAJATOX



NOVOMYCINE POVIDONE IODINE ROXITHROMYCIN TERPIN-CODEIN VITAMIN C MKP

6.2 Sản lượng tiêu thụ, doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

a. Sản lượng sản xuất từng nhóm sản phẩm qua các năm:

| Khoản mục | Đơn vị tính | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|------------------------|-------------|-----------|-----------|-----------|
| Thuốc tiêm | 1.000 lọ | 7.362 | 5.821 | 6.647 |
| Dịch truyền | 1.000 chai | 3.692 | 2.768 | 5.330 |
| Thuốc viên | 1.000 viên | 1.728.068 | 1.881.251 | 1.826.700 |
| Thuốc cốm | 1.000 gói | 41.625 | 41.858 | 49.904 |
| Thuốc nước | 1.000 chai | 1.866 | 1.871 | 1.257 |
| Thuốc mỡ | 1.000 tube | 3.415 | 3.999 | 6.044 |
| Nguyên liệu kháng sinh | 1.000 kg | 95 | 101 | 64 |
| Nguyên liệu hóa dược | 1.000 kg | 26 | 18 | 31 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

b. Doanh thu từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

| Khoản mục | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thuốc tiêm | 18.984 | 3,48% | 27.701 | 4,65% | 38.330 | 5,93% |
| Dịch truyền | 24.074 | 4,41% | 17.666 | 2,96% | 34.371 | 5,31% |
| Thuốc viên | 366.041 | 67,10% | 398.322 | 66,83% | 412.287 | 63,74% |
| Thuốc cốm | 48.945 | 8,97% | 48.613 | 8,16% | 66.937 | 10,35% |
| Thuốc nước | 10.274 | 1,88% | 13.420 | 2,25% | 5.202 | 0,80% |
| Thuốc mỡ | 7.688 | 1,41% | 9.100 | 1,53% | 15.298 | 2,37% |
| Nguyên liệu kháng sinh | 57.036 | 10,46% | 66.700 | 11,19% | 33.580 | 5,19% |
| Nguyên liệu hóa dược | 1.386 | 0,25% | 1.339 | 0,22% | 2.299 | 0,36% |
| Doanh thu khác (*) | 11.059 | 2,03% | 13.167 | 2,21% | 38.541 | 5,96% |
| | 545.487 | 100,00% | 596.028 | 100,00% | 646.845 | 100,00% |

Đơn vị tính : triệu đồng
 Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

(*) Doanh thu khác của Công ty là doanh thu từ nguyên liệu, bao bì nhượng bán lại cho các doanh nghiệp dược, doanh thu cho thuê nhà xưởng, văn phòng và doanh thu lưu trữ tế bào gốc khoản phát sinh này chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và không có tính chất thường xuyên.



c. Lợi nhuận từng nhóm sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

Đơn vị tính : triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|------------------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Thuốc tiêm | 2.096 | 2,46% | 3.138 | 3,91% | 4.942 | 6,11% |
| Dịch truyền | (664) | -0,78% | (1.131) | -1,41% | 654 | 0,81% |
| Thuốc viên | 52.170 | 61,13% | 52.150 | 65,04% | 57.830 | 71,47% |
| Thuốc cốm | 11.707 | 13,72% | 10.545 | 13,15% | 16.830 | 20,80% |
| Thuốc nước | 2.512 | 2,94% | 1.946 | 2,43% | 443 | 0,55% |
| Thuốc mỡ | 772 | 0,90% | 1.114 | 1,39% | 287 | 0,35% |
| Nguyên liệu kháng sinh | 11.431 | 13,39% | 9.011 | 11,24% | -298 | -0,37% |
| Nguyên liệu hóa dược | 112 | 0,13% | 41 | 0,05% | 396 | 0,49% |
| Doanh thu khác (*) | 5.203 | 6,10% | 3.369 | 4,20% | -166 | -0,21% |
| | 85.339 | 100,00% | 80.183 | 100,00% | 80.918 | 100,00% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

Nhận xét: Tổng lợi nhuận trước thuế của năm 2009 là 80.918.143.384 đồng tăng 743.724.078 đồng so với năm 2008. Đây là một kết quả đáng khích lệ, trong khi hàng loạt các doanh nghiệp cùng ngành bị ảnh hưởng nặng nề do khủng hoảng tài chính nhưng Công ty vẫn hoạt động ổn định và duy trì tỷ lệ lãi gộp khá cao. Trong năm 2009 tỷ lệ lạm phát tăng cao kéo theo sự gia tăng về giá của các nguyên vật liệu đầu vào trong đó phải kể đến sự tăng giá của các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí nhân công. Tuy vậy, tốc độ tăng chi phí của Công ty cũng chỉ ở mức tương đối so với tỷ lệ lạm phát trong năm 2009 là do MEKOPHAR đã kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Ngoài ra, Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả cùng một lúc để giảm chi phí sản xuất, tận dụng nguyên vật liệu để tránh hao phí và tối đa hóa năng suất của thiết bị, xây dựng phương án tồn kho nguyên vật liệu hợp lý nên việc tăng giá nguyên vật liệu ảnh hưởng không đáng kể.

Những yếu tố tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009:

❖ Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của Chính phủ về việc được phép mua ngoại tệ với tỷ giá bình quân liên ngân hàng nhằm phục vụ cho hoạt động nhập khẩu nguyên liệu trong quá trình sản xuất;
- Thị trường xuất khẩu ổn định, tăng trưởng tốt;
- Doanh thu trong nước ngày càng cải thiện do công tác đấu thầu cung cấp thuốc ở các bệnh viện được chú trọng và từng bước mang lại kết quả nhất định;
- Thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao.

❖ Khó khăn:

- Thị trường của mặt hàng nguyên liệu kháng sinh bị cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ nước ngoài do Chính phủ giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu xuống 0%;



- Tại các thị trường xuất khẩu, các sản phẩm Trung Quốc làm nhái sản phẩm của Công ty gây ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh và doanh số của Mekophar;
- Thị trường trong nước của Công ty bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nhằm duy trì và phát triển doanh số bán, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động marketing dẫn đến chi phí bán hàng tăng cao ảnh hưởng đến đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2009.

d. Kim ngạch xuất khẩu:

Trong giai đoạn từ năm 2007 đến 2009, doanh thu xuất khẩu hàng năm trung bình chiếm hơn 17% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Kim ngạch xuất khẩu năm 2009 của Công ty đạt trên 100 tỷ trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp đều gặp khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Một số thị trường xuất khẩu truyền thống của Công ty như: Lào, Campuchia, Myanmar, Malaysia, Congo, Nigeria...

6.3 Nguyên vật liệu:

a. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên liệu chính để sản xuất thuốc của MEKOPHAR được nhập khẩu từ các nhà sản xuất dược liệu nổi tiếng trên thế giới tại Châu Âu và Châu Á, chất lượng và nguồn cung ứng của các loại dược liệu có tính ổn định cao. Danh sách một số nhà cung cấp chủ lực nguyên liệu chính cho Công ty và các sản phẩm tương ứng:

DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU CHÍNH:

| STT | NGUYÊN LIỆU HOẠT CHẤT | NHÀ CUNG CẤP | NHÀ SẢN XUẤT |
|-----|-------------------------|------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Vitamin B1 Mono | Develing (Hà Lan) | Northeast Pharm (TQ) |
| 2 | Erythromycin Stearate | Mega (Thái Lan) | Lupin Chemicals (Thái Lan) |
| 3 | Roxithromycin | Mega (Thái Lan) | Lupin Chemicals (Thái Lan) |
| 4 | Rifampicin | Mega (Thái Lan) | Lupin Chemicals (Thái Lan) |
| 5 | Pyrazinamide | Mega (Thái Lan) | Lupin Chemicals (Thái Lan) |
| 6 | Spiramycin Base | Develing (Hà Lan) | Henan Topfond (TQ) |
| 7 | Paracetamol | Develing (Hà Lan) | An qilu'an Pharmaceutical (TQ) |
| 8 | Dexamethasone Acetate | Develing (Hà Lan) | Tianjin Tianyao (TQ) |
| 9 | Betamethasone Base | Develing (Hà Lan) | Tianjin Tianyao (TQ) |
| 10 | Vial 7ml-10ml-15ml-20ml | Sinopharm (TQ) | Shandong Pharmaceutical (TQ) |
| 11 | Metronidazole | Develing (Hà Lan) | Donggang Hongda (TQ) |
| 12 | Penicillin Sodium Ster | Sinopharm (TQ) | Shjiazhuang Pharma (TQ) |
| 13 | Ascorbic Acid | Shanghai Pharmaceutical (TQ) | Jiangsu Jiangshan (TQ) |
| 14 | Azithromycin | Amoli Enterprises (Hongkong) | Shanghai Modern (TQ) |
| 15 | Chloroquin phosphate | Oxy Grain | Ipeca Laboratories LTD |



| | | | |
|----|---|---------------------------------|--|
| 16 | Spirulina | Develing (Hà Lan) | (Ấn Độ) Jiangsu Cibainian Co.LTD |
| 17 | Metronidazole tiêm | Rhodia (Pháp) | Farchemia (Italia) |
| 18 | Ofloxacin | Shanghai Pharmaceutical (TQ) | Zhejiaang kangyu (TQ) |
| 19 | Tetracycline HCl | Develing (Hà Lan) | NCPC Goodstar |
| 20 | Nút cao su | Alcapharm (Hà Lan) | helvoet Pharma (Bi) |
| 21 | Nút cao su | CJ Corp | Stelmi SA |
| 22 | Aspirin | Rhodia (Pháp) | Rhodia (Thái Lan) |
| 23 | Dextrose(U), Destrose(T), Manitol, Sorbitol | Rhodia (Pháp) | Roquette (Pháp) |
| 24 | N_acetyl_cyscein | Sumit Pharma Europe | Moehs Catalana Spain |
| 25 | Aceton, Methylene Chloride | Công ty Hoá chất Petrolimex | Việt Nam |
| 26 | Nang | Công ty CPDP Cửu Long | Việt Nam |
| 27 | Artesunat | Công ty Dược khoa | Việt Nam |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu của Công ty đang sử dụng khá ổn định do được sản xuất từ những Công ty lớn nên có sản lượng cung ứng dồi dào. Hơn nữa, là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín, có mức tiêu thụ nguyên liệu dược lớn nên Công ty có thuận lợi trong việc tìm thêm các đối tác cung ứng.

Các nhà cung ứng cho Công ty đa số là đối tác truyền thống nên Công ty cũng được sự đảm bảo về nguồn cung ứng và giá cả cạnh tranh hơn so với những đơn vị nhập khẩu không thường xuyên.

Giá cả các loại nguyên liệu dược của Công ty tương đối ổn định. Công ty luôn đảm bảo nguồn dự trữ đủ để sản xuất cho 1/4 năm trong trường hợp có biến động về nguồn cung ứng, giá cả... vì những nguyên nhân khách quan. Ngoài ra, Công ty còn chủ động tìm thêm các nhà cung cấp để so sánh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu nhập có chất lượng tốt và giá cả hợp lý.

Trong cơ cấu nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài, thuốc kháng sinh chiếm tỷ trọng lên đến 58% (Nguồn: Tạp chí thương mại). Do vậy, để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động sản xuất thuốc kháng sinh – lĩnh vực Mekophar tiên phong sản xuất - phục vụ cho nhu cầu nguyên liệu sản xuất và bán ra bên ngoài thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

- Nguyên vật liệu trực tiếp, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 70% tùy thuộc vào cơ cấu giá thành của từng loại sản phẩm của Công ty. Mặt khác, do Công ty không được chủ động trong việc tăng giá bán sản phẩm vì vậy sự tăng giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nguyên vật liệu để sản xuất ra dược phẩm một phần là các chế phẩm có nguồn gốc từ



dầu mỏ. Do những biến động về giá cả của dầu mỏ, nên trong thời gian qua giá cả của các loại nguyên liệu cũng chịu ảnh hưởng. Bên cạnh đó, những xung đột về chính trị, thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên thế giới đã tác động đến việc gia tăng nguồn nguyên liệu dự phòng của các quốc gia nên cũng làm tăng giá nguyên liệu. Phần lớn nguyên liệu của Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài. Giá trị nguyên liệu nhập khẩu bình quân chiếm trên 60% giá vốn hàng bán. Do vậy, việc tỷ giá Việt Nam đồng so với đôla Mỹ không ngừng biến động theo xu hướng tăng cũng làm giá nguyên liệu tăng cao. Tuy nhiên, do chính sách hỗ trợ của Chính phủ Công ty có thể mua ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng theo toàn bộ giá trị nguyên liệu nhập khẩu nên ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá giảm đáng kể.

6.4 Chi phí sản xuất:

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

Đơn vị tính: triệu đồng

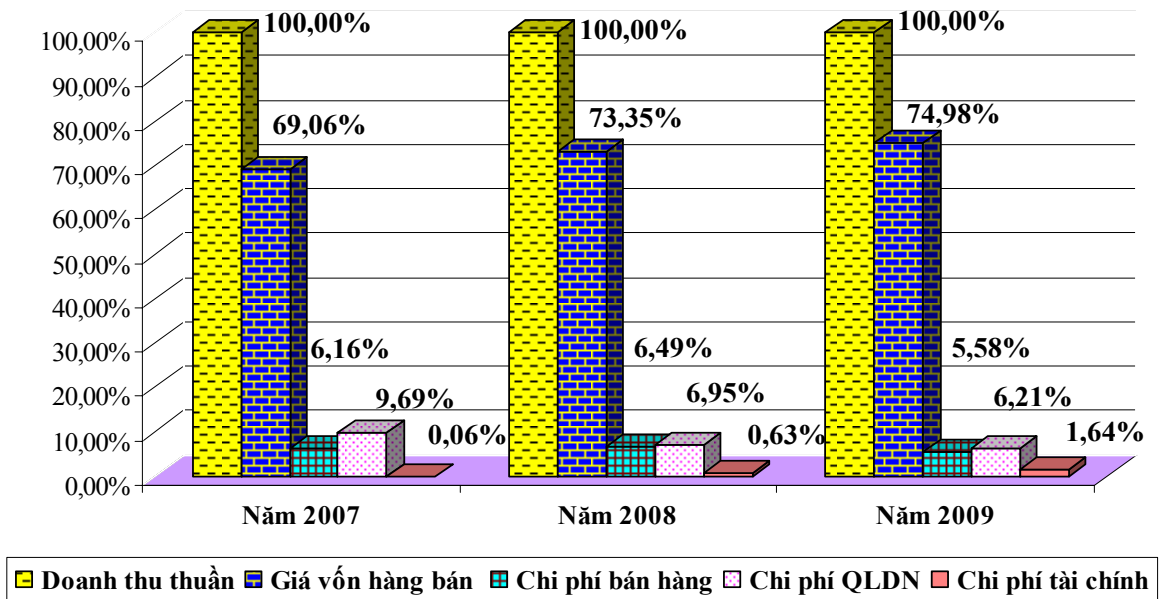
| Stt | Yếu tố chi phí | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|-----|-------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------|-------------------|
| | | Giá trị | % Doanh thu thuần | Giá trị | % Doanh thu thuần | Giá trị | % Doanh thu thuần |
| 1 | Chi phí giá vốn | 376.687 | 69,06% | 437.185 | 78,10% | 485.032 | 74,98% |
| 2 | Chi phí bán hàng | 33.524 | 6,15% | 38.711 | 4,59% | 36.071 | 5,58% |
| 3 | Chi phí quản lý | 52.836 | 9,69% | 41.425 | 2,83% | 40.173 | 6,21% |
| 4 | Chi phí tài chính | 338 | 0,06% | 3.758 | 5,85% | 10.593 | 1,64% |
| | Cộng | 463.385 | 84,95% | 521.079 | 87,43% | 571.869 | 88,41% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009

Yếu tố chi phí có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của MEKOPHAR, việc quản lý tốt trong công tác kiểm soát các yếu tố chi phí sản xuất dẫn đến giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty tương đối thấp hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành nghề. Do vậy sản phẩm của Công ty luôn có tính cạnh tranh cao.



Biểu đồ tỷ lệ các loại chi phí trên doanh thu thuần giai đoạn 2007 – 2009



6.5 Trình độ công nghệ:

a. Trang thiết bị sản xuất:

MEKOPHAR là một trong số những doanh nghiệp dược đầu tiên trong nước sản xuất ra sản phẩm dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn GLP- WHO, hệ thống kho theo tiêu chuẩn GSP- WHO.

Hiện nay, MEKOPHAR cũng là doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước duy nhất có nhà máy sản xuất dược nguyên liệu kháng sinh (ampiciline và amoxiciline).

Trình độ sản xuất, máy móc thiết bị, hệ thống nhà xưởng và kho của Công ty đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn của các nhà nhượng quyền trong việc sản xuất các sản phẩm nhượng quyền.

Công ty hiện có 02 phân xưởng sản xuất thuốc hiện đại và khép kín theo tiêu chuẩn GMP-WHO đó là phân xưởng Dược phẩm, và phân xưởng thuốc kháng sinh Beta Lactam; với các dây chuyền và máy móc thiết bị hiện đại được trang bị đồng bộ mới, phần lớn có nguồn gốc sản xuất từ Châu Âu, Châu Á như: máy ép vỉ NOACK (Đức), máy đóng nang tự động MACOPHAR (Ý), SEJONG (Hàn Quốc), máy cất nước (Thụy Điển), máy ly tâm, máy sấy chân không (Hàn Quốc), máy đập viên 3 lớp (Đài Loan), máy đóng nang tự động (Đài Loan)....

Phòng kiểm nghiệm của Công ty được trang bị các máy móc thiết bị kiểm nghiệm tiên tiến, hiện đại được đánh giá tương đương với một Phân Viện kiểm nghiệm, bao gồm một số máy móc thiết bị thuộc thế hệ mới như: Hệ thống sắc ký lỏng cao áp, Máy sắc ký khí (Nhật, Hàn Quốc), Máy quang phổ tử ngoại khả kiến (Nhật), Máy đo độ nhớt (Mỹ), Máy kiểm tra độ hoà tan, Máy đo độ cứng viên nén (Nhật, Đức), Cân xác định độ ẩm (Thụy Sĩ).... đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu kiểm nghiệm phục vụ cho việc sản xuất và bảo đảm chất lượng thuốc theo đúng tiêu chuẩn đăng ký.

Hệ thống kho bảo quản của Công ty theo tiêu chuẩn WHO đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu



bảo quản và tồn trữ nguyên liệu, dược liệu, bao bì và thuốc thành phẩm.

b. Danh mục TSCĐ có giá trị lớn của Công ty thời điểm 31/12/2009:

Đơn vị tính: đồng

| STT | TÊN TÀI SẢN | NĂM SỬ DỤNG | NGUYÊN GIÁ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI |
|-----|----------------------------------|-------------|----------------|-----------------|
| 1 | Nhà 192 Pasteur | 1/1/1975 | 209.084.050 | 0 |
| 2 | Nhà số 10 Trần Huy Liệu | 1/1/1975 | 929.924.000 | 0 |
| 3 | Nhà 297/6 Lý Thường Kiệt | 1/1/1975 | 2.161.519.601 | 1.374.690.250 |
| 4 | Nhà 281/5B Lý Thường Kiệt | 1/1/1975 | 2.471.286.470 | 1.324.589.097 |
| 5 | Nhà số 281/13&15&17 Lý T Kiệt | 1/1/1975 | 3.982.617.932 | 2.389.519.687 |
| 6 | Nhà kho 281/2B Lý Thường Kiệt | 1/1/1975 | 22.286.796.494 | 13.581.972.897 |
| 7 | Nhà 17A CMT8 TP.CAN THO | 3/4/2004 | 450.000.000 | 136.500.000 |
| 8 | Nhà Văn Quán - Hà Đông | 3/1/2005 | 2.118.395.073 | 1.959.534.118 |
| 9 | Máy vô nang SCF20 FOREMA (DL) | 6/1/1995 | 368.986.000 | 0 |
| 10 | Máy đóng trà thuốc | 7/1/1991 | 574.529.637 | 0 |
| 11 | Máy bao film RAMA COTA | 5/1/1995 | 415.000.000 | 93.124.996 |
| 12 | Máy ép vi NOACK N921246 | 1/1/1994 | 900.000.000 | 3.680.999 |
| 13 | Máy vô nang MACOPHAR CD40 | 4/1/1996 | 1.023.500.000 | 0 |
| 14 | Máy vô nang KDF-2 | 7/1/1999 | 368.986.000 | 0 |
| 15 | Máy ép vi HA 2600 PLC | 5/1/2000 | 669.785.000 | 13.016.654 |
| 16 | H/T ống dẫn | 6/1/2000 | 834.093.879 | 0 |
| 17 | H/T điện | 6/1/2000 | 645.803.379 | 0 |
| 18 | H/T ống thép nối kết | 6/1/2000 | 512.018.024 | 0 |
| 19 | Nồi phản ứng SUS 316-3000L 15HP | 6/1/2000 | 594.000.000 | 0 |
| 20 | Nồi phản ứng SUS 304-2000L | 6/1/2000 | 594.000.000 | 0 |
| 21 | Nồi phản ứng SUS 304-3000L | 6/1/2000 | 594.000.000 | 0 |
| 22 | Bộ chưng cất SUS 304 6000L | 6/1/2000 | 934.000.000 | 0 |
| 23 | Thiết bị trung hòa STS 304 2000L | 6/1/2000 | 214.717.236 | 0 |
| 24 | Máy ly tâm 60 INCHES | 6/1/2000 | 1.139.653.022 | 0 |
| 25 | Bộ phận ly tâm | 6/1/2000 | 211.413.894 | 0 |
| 26 | Máy sấy chân không 3000L | 6/1/2000 | 1.144.608.035 | 0 |
| 27 | Máy xay FITZ 5HP | 6/1/2000 | 322.902.267 | 0 |
| 28 | Bộ COMPACT | 6/1/2000 | 752.563.971 | 0 |
| 29 | Bơm chân không vòng nước | 6/1/2000 | 301.429.966 | 0 |
| 30 | Máy nén khí 15HP | 6/1/2000 | 297.300.788 | 0 |
| 31 | Máy vô nang bán tự động KDF-2 | 8/1/2000 | 389.751.500 | 0 |
| 32 | Máy bao film | 8/1/2000 | 270.000.000 | 0 |
| 33 | Máy cất nước S1000-S | 11/1/2000 | 2.407.826.500 | 0 |
| 34 | Máy sắc ký lỏng HPLC | 6/1/2000 | 233.716.405 | 0 |
| 35 | HT Tbi xử lý không khí | 3/1/2001 | 338.135.076 | 0 |
| 36 | Máy in phun DOMINO A200 | 6/1/2001 | 155.120.952 | 3.014.645 |
| 37 | Máy vô nang tự động SF-40N | 8/1/2001 | 1.047.410.000 | 42.176.473 |
| 38 | Máy đóng gói thuốc bột H-90 | 10/1/2001 | 524.769.041 | 0 |
| 39 | Máy dập viên ZPW21B N-249 | 4/24/2003 | 224.329.500 | 124.627.484 |
| 40 | Máy dập viên ZPW21B N-252 | 4/24/2003 | 224.329.500 | 124.627.484 |
| 41 | Máy vô nang tự động BOSH | 1/1/1993 | 218.000.000 | 0 |



| STT | TÊN TÀI SẢN | NĂM SỬ DỤNG | NGUYÊN GIÁ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI |
|-----|--------------------------------------|-------------|---------------|-----------------|
| | GK1500 | | | |
| 42 | Máy ép vỉ BOSH TLT 1565 | 1/1/1993 | 250.000.000 | 0 |
| 43 | Máy ép gói MESPACK | 11/26/2001 | 420.000.000 | 270.000.000 |
| 44 | Hệ thống nổi phản ứng 6000L | 8/14/2003 | 659.418.448 | 18.317.148 |
| 45 | Máy nén cốm | 9/12/2003 | 510.000.000 | 371.875.000 |
| 46 | Trạm điện 560KVA | 2/28/2004 | 238.618.182 | 93.345.080 |
| 47 | Máy trộn cao tốc HA 120CT | 3/29/2004 | 240.000.000 | 20.000.022 |
| 48 | Máy sấy tầng sôi HA 100TS | 4/16/2004 | 458.694.000 | 53.942.254 |
| 49 | Máy đóng gói thuốc MESPACK H-90 | 9/8/2004 | 693.322.200 | 115.553.700 |
| 50 | Máy đóng gói thuốc MESPACK H-90 | 9/8/2004 | 693.322.200 | 115.553.700 |
| 51 | M.DONG NANG SEJONG SF-40N | 1/14/2005 | 1.106.126.000 | 482.629.560 |
| 52 | Máy dập viên ZPW 21B NO 309 | 2/28/2005 | 224.437.500 | 56.109.348 |
| 53 | Máy dập viên ZPW 21B NO 312 | 2/28/2005 | 224.437.500 | 56.109.348 |
| 54 | HT sắc ký lỏng SHIMADZU | 5/31/2005 | 551.337.556 | 153.149.324 |
| 55 | MAY EP VI DPP 250DII | 8/31/2005 | 622.378.400 | 304.706.108 |
| 56 | Máy dập viên CPM3SH-12 | 11/10/2005 | 251.871.900 | 90.953.734 |
| 57 | Xe PEUGEOT 405 52N 7554 | 4/1/1997 | 202.440.000 | 0 |
| 58 | Xe tải 3,5T 54L9148 | 6/1/1997 | 263.257.100 | 0 |
| 59 | Xe tải ISUZU 2T 54M 7600 | 8/1/2000 | 270.319.371 | 0 |
| 60 | Xe du lịch 4 chỗ 51LD1296 | 6/1/2000 | 240.666.180 | 0 |
| 61 | Xe TOYOTA WAGON 53M 3516 | 11/21/2001 | 387.051.429 | 0 |
| 62 | Xe TOYOTA ZACE GL 52T3598 | 11/27/2001 | 250.000.000 | 0 |
| 63 | Xe tải ISUZU 1.2T 54T3832 | 10/21/2003 | 239.910.876 | 3.332.060 |
| 64 | Xe nâng điện NICHIIYU 1.5T | 12/19/2003 | 307.836.900 | 12.826.503 |
| 65 | Xe tải ISUZU 1.2T 54T5727 | 3/4/2004 | 242.838.686 | 20.236.526 |
| 66 | Xe nâng điện NICHIIYU 1.75T | 7/26/2004 | 280.207.600 | 53.942.254 |
| 67 | Xe Ôtô BMW 325IA 52Y 0311 | 1/10/2005 | 1.050.814.000 | 221.943.784 |
| 68 | Xe nâng điện NICHIIYU 1.5T | 3/30/2005 | 360.673.200 | 90.168.300 |
| 69 | Tbị phụ trợ hệ thống lạnh | 8/1/2000 | 765.927.886 | 0 |
| 70 | H/T Làm lạnh | 6/1/2000 | 836.900.000 | 0 |
| 71 | Máy làm lạnh TRANE | 3/1/2001 | 278.121.381 | 0 |
| 72 | Máy làm lạnh TRANE | 3/1/2001 | 278.121.381 | 0 |
| 73 | Tbị làm lạnh SR-W40GG3 | 7/1/2001 | 227.955.998 | 33.171.227 |
| 74 | Hệ thống xử lý không khí | 10/19/2001 | 737.021.000 | 219.798.606 |
| 75 | Tbị phụ trợ hệ thống DHKK | 10/19/2001 | 1.619.702.780 | 449.880.809 |
| 76 | Thang máy tải hàng 1500Kg | 11/30/2006 | 214.285.714 | 113.095.254 |
| 77 | Máy lạnh TT CARRIER 450KW | 8/21/2003 | 546.497.078 | 0 |
| 78 | HT DHNB-Xử lý không khí | 10/22/2004 | 1.850.200.332 | 344.152.078 |
| 79 | Tbị phụ trợ HT Lạnh BP.Tmỡ | 1/1/2004 | 941.026.585 | 627.351.049 |
| 80 | Máy làm lạnh trung tâm CARRIER 450KW | 7/29/2004 | 546.497.078 | 391.656.233 |
| 81 | Tbị phụ trợ Hthống DHKK | 7/29/2004 | 1.441.438.041 | 1.033.030.602 |
| 82 | HT PCCC (NHA 17 LTK) | 10/21/2004 | 111.238.200 | 85.282.620 |
| 83 | QSDDO 17A CMT8 TP.CAN THO | 3/1/2005 | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 |



| STT | TÊN TÀI SẢN | NĂM SỬ DỤNG | NGUYÊN GIÁ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI |
|-----|--|-------------|---------------|-----------------|
| 84 | QSDDO N Tat Thành -DA NANG | 3/1/2005 | 1.425.000.000 | 1.425.000.000 |
| 85 | Xe nâng điện NICHIIYU | 9/21/2007 | 348.380.518 | 232.253.686 |
| 86 | Hệ thống ống cấp nước cho PX Dịch truyền | 5/22/2008 | 1.043.262.000 | 883.633.942 |
| 87 | Hệ thống xử lý Không Khí PX Cephalosporin | 5/31/2008 | 2.697.439.936 | 2.180.430.618 |
| 88 | Hệ thống đường ống khí nén PX Cephalosporin | 10/2/2008 | 922.624.796 | 834.206.586 |
| 89 | Hệ thống ĐH Không Khí PX Cephalosporin | 10/22/2008 | 3.770.611.263 | 3.346.727.697 |
| 90 | Máy dập viên 3 lớp JC – TH – 39 | 1/24/2006 | 1.770.354.268 | 958.941.908 |
| 91 | Máy Bao phim, Bao đường BG150E | 5/12/2006 | 639.120.000 | 213.040.000 |
| 92 | Máy Đóng gói Thuốc Mespac H130D | 9/30/2006 | 1.599.702.000 | 799.851.012 |
| 93 | Máy dập viên ZP- 11 | 11/21/2006 | 307.479.680 | 162.280.946 |
| 94 | Máy ép vỉ TPT EV-205 | 1/19/2007 | 765.000.000 | 425.000.000 |
| 95 | Máy ép vỉ TPT EV-205 | 1/19/2007 | 765.000.000 | 425.000.000 |
| 96 | Máy dập viên 3 lớp JC – TH – 39 | 1/24/2006 | 3.770.611.263 | 3.346.727.697 |
| 97 | Hệ Thống Máy Sắc khí lỏng LC- 20A | 5/24/2007 | 552.517.503 | 365.275.460 |
| 98 | Hệ Thống Máy Sắc khí lỏng LC- 20A | 5/24/2007 | 552.517.503 | 365.275.460 |
| 99 | Máy Phát điện 825KVA C825D5 | 5/31/2007 | 1.563.002.500 | 1.132.625.425 |
| 100 | Máy dập viên nén JC-DH-29S | 7/24/2007 | 1.202.579.000 | 768.314.364 |
| 101 | Máy dập viên nén JC-DH-29S | 1/14/2008 | 1.202.746.583 | 868.650.303 |
| 102 | Máy ép vỉ bấm HA 2200-07 | 10/20/2007 | 900.000.000 | 612.500.000 |
| 103 | Máy rửa chai QCLX | 12/5/2007 | 847.717.500 | 600.466.566 |
| 104 | Máy sấy khô chai | 12/5/2007 | 712.082.700 | 504.391.902 |
| 105 | Dây chuyền chiết Dịch Truyền SSY 3500 | 7/1/2008 | 2.234.595.501 | 1.938.613.010 |
| 106 | Thiết bị Kiểm tra Hàm Lượng Carbon | 9/15/2008 | 581.996.000 | 465.596.804 |
| 107 | Tủ lạnh âm sâu | 11/13/2007 | 228.852.282 | 157.812.715 |
| 108 | Máy ly tâm công cụ tách máu J6 – MI | 12/22/2007 | 599.050.027 | 423.079.087 |
| 109 | Máy phân tích huyết học 18 thông số | 12/22/2008 | 214.161.691 | 151.251.688 |
| 110 | Máy ly tâm lạnh RC3BP PLUS | 3/11/2008 | 541.756.000 | 409.702.969 |
| 111 | Máy tự động xử lý và lưu trữ Tế bào gốc | 1/9/2008 | 1.963.886.705 | 1.456.549.303 |
| 112 | Bình bảo quản nitơ lỏng Biosystem 36 | 1/29/2008 | 686.700.000 | 496.426.875 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

MỘT SỐ HÌNH ẢNH MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY



MÁY BAO PHIM



MÁY ÉP VĨ



MÁY ĐO ĐỘ HOÀ TAN



MÁY SẮC KÝ LỎNG



MÁY SẤY TẦNG SÔI



MÁY TRỘN CAO TỐC



MÁY TRỘN LẬP PHƯƠNG



MÁY VÔ NANG



MÁY ĐÓNG CHAI KS BỘT TIÊM

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Công ty lập phòng nghiên cứu phát triển (R&D) để đảm nhận vai trò nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm cũ đáp ứng ngày càng cao nhu cầu phòng và chữa bệnh của người dân.

Phòng nghiên cứu phát triển của Công ty hiện nay gồm 12 nhân sự trong đó có 02 thạc sỹ. Hằng năm bên cạnh những đề xuất của các Chi nhánh, sau khi khảo sát thực tế về tình hình tiêu thụ sản phẩm; xu hướng điều trị, phòng nghiên cứu phát triển còn chủ động nghiên cứu thị trường, thị hiếu người tiêu dùng và tính năng điều trị của sản phẩm theo nhu cầu của người dân để nghiên cứu ra từ 20 - 40 loại thuốc mới và đưa vào sản xuất từ 15 đến 20 sản phẩm để đưa ra thị trường. Hiện nay, công ty đang tập trung nghiên cứu những sản phẩm mới có hiệu quả phòng và chữa bệnh cao, song song với việc nghiên cứu để nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có.

MỘT SỐ SẢN PHẨM MỚI TIÊU BIỂU CỦA MEKOPHAR



Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

Bên cạnh đó, để đa dạng chủng loại thuốc sản xuất của Công ty, MEKOPHAR đã triển khai sản xuất các sản phẩm nhượng quyền, gồm các sản phẩm:

| STT | TÊN SẢN PHẨM | HOẠT CHẤT | CÔNG TY NHƯỢNG QUYỀN |
|-----|-------------------------------------|---|---------------------------------|
| 01 | MEDOZIDIM (bột để pha thuốc tiêm) | Ceftazidime pentahydrate tương đương với Ceftazidime 1g, Sodium carbonate 118mg | UNITEX – TENAMYD CANADA PVT.LTD |
| 02 | UMECEFA – 500 (viên nang) | Cefalexin 500mg | UMEDICA LABORATORIES PVT.LTD |
| 03 | UMECEFA – 250 (viên nang) | Cefalexin 250mg | UMEDICA LABORATORIES PVT.LTD |
| 04 | LEUCODININE B 10% (thuốc mỡ) | Mequinol 10% | CLS PHARMA – PHÁP |
| 05 | FURONAT (bột để pha thuốc tiêm) | Cefuroxime Sodium tương đương với Cefuroxime 750 mg | UNITEX – TENAMYD CANADA PVT.LTD |
| 06 | CEFOFAST (bột để pha thuốc tiêm) | Cefotaxime Sodium tương đương với Cefotaxime 1mg | UNITEX – TENAMYD CANADA PVT.LTD |
| 07 | TRIA XO – B (bột để pha thuốc tiêm) | Ceftriaxone Sodium tương đương với Ceftriaxone 1g | UNITEX – TENAMYD CANADA PVT.LTD |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ:

a. Hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm đang áp dụng:



Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP-WHO, được Cục Quản Lý Dược Việt Nam cấp GIẤY CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC (theo giấy chứng nhận số 225/CN-QLD cấp ngày 30/09/2008) chứng nhận Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc”.



b. Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Phòng kiểm tra chất lượng (QC: Quality control) phụ trách riêng về kiểm nghiệm chất lượng. Bộ phận này quản lý phòng Lab (kiểm nghiệm), có nhiệm vụ Nghiên cứu và áp dụng tiêu chuẩn Dược Điển, xây dựng tiêu chuẩn bổ sung cho các loại nguyên phụ liệu, thành phẩm, bán thành phẩm và thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ những hoạt động chuyên môn có liên quan đến công tác kiểm nghiệm.

Với gần 300 sản phẩm đã được đăng ký sản xuất, khối lượng kiểm nghiệm của MEKOPHAR là rất lớn. Bên cạnh đó, phòng kiểm nghiệm của Công ty còn cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm cho các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Ngoài ra để bảo đảm chất lượng của cả quá trình từ sản xuất, tồn trữ đến tiêu thụ, Công ty có Phòng đảm bảo chất lượng (QA: Quality assurance), chịu trách nhiệm thiết lập và quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu GMP-WHO, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng. Bộ phận QA có các chức năng chính như:

- Chỉ đạo và kiểm tra thực hiện quy trình kỹ thuật;
- Soạn thảo, ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy trình thao tác chuẩn;
- Điều tra xử lý sự cố, xem xét khiếu nại của khách hàng;
- Đánh giá nhà cung cấp;
- Kiểm tra môi trường;
- Đào tạo huấn luyện tay nghề CBNV tiêu chuẩn GMP;
- Thu hồi, tái chế, thanh lý sản phẩm, nguyên liệu, bao bì;
- Xây dựng các hồ sơ pháp lý với cơ quan có thẩm quyền về quyền sản xuất, quyền sở hữu công nghiệp, tham dự các cuộc tranh chấp nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty trong sản xuất và lưu thông;
- Lập hồ sơ đăng ký thuốc trong và ngoài nước;
- Quản lý việc thiết kế chi tiết các hình thức mẫu mã kiểu dáng của bao bì sản phẩm.

Để đảm bảo sản phẩm sản xuất ra luôn đạt tiêu chuẩn tốt về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng đồng nhất theo đúng các tiêu chuẩn chất lượng của thị trường tiêu thụ và các yêu cầu của khách hàng, Công ty luôn quan tâm chú trọng đến công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm. Công ty có các bộ phận chức năng đảm nhiệm công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm từ công đoạn tiếp nhận nguồn nguyên liệu đầu vào đến khi sản phẩm được đóng gói nhập kho bảo quản.



6.8 Hoạt động Marketing:

a. Quảng bá thương hiệu:

Hoạt động quảng bá thương hiệu tại MEKOPHAR được chú trọng nhằm tạo dựng thương hiệu Việt mạnh. Do tính đặc thù đối với một số sản phẩm của MEKOPHAR, Công ty tiến hành quảng bá thương hiệu MEKOPHAR đến người tiêu dùng thông qua các kênh như: các bài viết, các phóng sự trên các báo đài Trung ương và địa phương, các chương trình công tác xã hội, công tác nhân đạo (khám bệnh, phát thuốc cho người nghèo, xây phòng khám cho bệnh viện, trạm y tế xã, xây nhà tình thương, nhà tình nghĩa...) và thông qua các Công ty kinh doanh dược có năng lực phân phối lớn, các Chi nhánh, cửa hàng của Công ty tại Tp.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần thơ và các đại lý, nhà thuốc tư nhân, bệnh viện trên toàn quốc.

Cùng với sự hội nhập kinh tế của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới đã mang lại hàng loạt cuộc giao thương buôn bán với các thị trường truyền thống cũng như các thị trường tiềm năng khác. Năm bắt được xu thế đó, Công ty đã không ngừng quảng bá thương hiệu của mình thông qua các chương trình xúc tiến thương mại tại nước ngoài như: Myanmar, Moldova, Nigeria,...

Với thị trường trong nước, MEKOPHAR quảng bá hình ảnh bằng cách tham gia các hội chợ triển lãm thương hiệu mạnh, hàng Việt Nam chất lượng cao, các hoạt động do Cục quản lý Dược và Hiệp hội sản xuất kinh doanh Dược Việt Nam tổ chức.

Ngoài ra, hình ảnh MEKOPHAR còn biết đến với thông qua việc thể hiện trách nhiệm xã hội với mong muốn chia sẻ một phần khó khăn, bằng các hoạt động nhân đạo, tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, vận động CBNV Công ty thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đóng góp hỗ trợ đồng bào lũ lụt, thiên tai, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương...

Khẳng định chất lượng sản phẩm của Công ty đối với người tiêu dùng, kể từ năm 1999 đến năm 2007 MEKOPHAR liên tục được chứng nhận đạt danh hiệu HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO, đây là danh hiệu do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do Báo Sài Gòn Tiếp thị tổ chức.

Ngoài ra, MEKOPHAR cũng được Thời báo kinh tế Sài Gòn trao tặng chứng nhận Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2008, Tạp chí thương mại và Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao giấy chứng nhận Cúp vàng thương hiệu Việt năm 2006.

b. Sản phẩm:

Công ty thiết lập website để giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng với địa chỉ là: www.mekophar.com.vn. Các sản phẩm của Công ty phong phú về chủng loại, mẫu mã bao bì đẹp, chất lượng đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký, giúp người bệnh đạt hiệu quả cao trong điều trị và tiết kiệm chi phí. Theo điều tra của MEKOPHAR thì thị phần mà Công ty tham gia chiếm khoảng 7% tổng giá trị sản lượng dược phẩm tiêu thụ của cả nước.

Thông qua kênh phân phối là các Công ty dược phẩm trung ương, địa phương, các bệnh viện trên toàn quốc, các đối tác tiêu thụ ở nước ngoài thì sản phẩm của Công ty với nhãn hiệu MEKOPHAR được nhiều người biết đến.



c. Hệ thống phân phối:

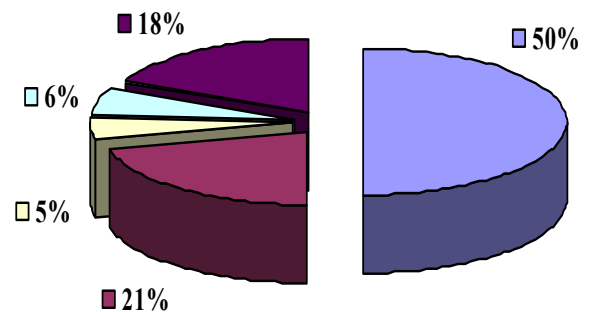
Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ qua hệ thống phân phối của các Công ty dược phẩm trung ương, địa phương và các bệnh viện trên toàn quốc.

Mạng lưới phân phối của Công ty ngày càng được đầu tư mở rộng thông qua các Công ty TNHH dược phẩm tư nhân tại các địa phương. Công ty đã triển khai xây dựng và phát triển đội ngũ cộng tác viên là những trình dược viên giỏi, có năng lực để hỗ trợ nhà phân phối trong chào hàng và nhận đơn đặt hàng các sản phẩm dược.

Sản phẩm của Công ty đã được xuất khẩu sang một số nước Châu Âu, Châu Phi, Đông Nam Á như: Moldova, Myanmar, Lào, Nga, Ucraina, Nigeria, Congo...

Tỷ trọng trong doanh thu của Công ty tại các khu vực thị trường năm 2009:

| KHU VỰC THỊ TRƯỜNG | TỶ TRỌNG |
|-------------------------------|----------|
| Thành phố Hồ Chí Minh | 50% |
| Hà Nội và Khu vực miền Bắc | 21% |
| Đà Nẵng và Khu vực miền Trung | 5% |
| Cần Thơ và ĐBS Cửu Long | 6% |
| Xuất khẩu | 18% |



d. Giá bán:

Công ty xác định giá bán sản phẩm đến người sử dụng thống nhất trên toàn quốc. Việc kiểm soát chi phí sản xuất của Công ty được thực hiện rất tốt nên giá bán các sản phẩm của Công ty có khả năng cạnh tranh cao so với các sản phẩm khác cùng được tính được sản xuất trong nước.

6.9 Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ:

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu hàng hoá của Công ty được ghi nhận vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và được bảo hộ tổng thể. Ngoài Logo với nhãn hiệu MEKOPHAR Công ty còn được cấp chứng nhận đăng ký cho các nhãn hiệu thuốc do Công ty sản xuất. Danh sách một số giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá được cấp bảo hộ của MEKOPHAR:

| STT | TÊN | SỐ GCN | SỐ QĐ | NGÀY CẤP | NGÀY ƯU TIÊN | HIỆU LỰC |
|-----|---------------|--------|---------------|------------|--------------|------------|
| 1 | ACTACRIDIN | 72377 | A4955/QĐ-ĐK | 29/05/2006 | 16/09/2004 | 16/09/2014 |
| 2 | ACTITAB | 59274 | A9571/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 3 | AHISMAX | 72376 | A4954/QĐ-ĐK | 29/05/2006 | 16/07/2004 | 16/07/2014 |
| 4 | AMCINOL-PASTE | 131427 | 17173/QĐ-SHTT | 12/08/2009 | 25/04/2008 | 25/04/2018 |



| STT | TÊN | SỐ GCN | SỐ QĐ | NGÀY CẤP | NGÀY ƯU TIÊN | HIỆU LỰC |
|-----|-------------------------------------|--------|---------------|------------|--------------|------------|
| 5 | AMDICOR | 89659 | 15174/QĐ-SHTT | 01/10/2007 | 04/07/2005 | 04/07/2015 |
| 6 | ANTINEA | 24964 | 1454/QĐNH | 25/08/1997 | 13/07/1996 | 13/07/2016 |
| 7 | ANTITUSS | 26138 | 0143/QĐNH | 13/01/1998 | 11/10/1996 | 10/11/2016 |
| 8 | ARFLOQUIN | 73458 | 6623/QĐ-SHTT | 06/07/2006 | 07/12/2004 | 07/12/2014 |
| 9 | ARTHROBIC | 53973 | A1889/QĐ-ĐK | 05/05/2004 | 25/03/2003 | 3/25/2013 |
| 10 | AUGBACTAM | 64194 | A6800/QĐ-ĐK | 28/06/2005 | 31/03/2004 | 3/31/2014 |
| 11 | AZIPHAR | 68669 | A13049/QĐ-ĐK | 09/12/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 12 | BETACYLIC | 32806 | 3609/QĐNH | 13/12/1999 | 06/10/1998 | 10/6/2018 |
| 13 | BETALESTIN | 30801 | 1604/QĐNH | 07/05/1999 | 17/12/1997 | 17/12/2017 |
| 14 | BIMOXINE | 26139 | 0144/QĐNH | 13/01/1998 | 11/10/1996 | 10/11/2016 |
| 15 | BRONCOCEF | 35643 | 2648/QĐNH | 07/12/2000 | 16/08/1999 | 8/16/2019 |
| 16 | BUSMOCAM | 86521 | 11484/QĐ-SHTT | 17/08/2007 | 21/07/2005 | 21/07/2015 |
| 17 | CAPTARSAN | 81268 | 4600/QĐ-SHTT | 18/04/2007 | 09/08/2005 | 09/08/2015 |
| 18 | CARDICORMEKOP HAR | 93228 | 19739/QĐ-SHTT | 17/12/2007 | 21/07/2005 | 21/07/2015 |
| 19 | CEVITRUTIN | 61140 | A2294/QĐ-ĐK | 17/03/2005 | 12/11/2003 | 11/12/2013 |
| 20 | CHLORAM-H | 15528 | 0635/QĐNH | 03/03/1995 | 16/06/1994 | 6/16/2014 |
| 21 | CLOCATEN | 90431 | 16141/QĐ-SHTT | 17/10/2007 | 23/05/2005 | 23/05/2015 |
| 22 | DERMAPYTHON | 25004 | 1494/QĐNH | 04/09/1997 | 13/07/1996 | 13/07/2016 |
| 23 | DEXATOP | 40616 | 1106/QĐ-ĐK | 08/04/2002 | 22/09/2000 | 9/22/2010 |
| 24 | DEXTHORPHAN | 26505 | 0510/QĐNH | 26/02/1998 | 27/11/1996 | 27/11/2016 |
| 25 | DISOLVAN | 40593 | 1083/QĐ-ĐK | 05/04/2002 | 22/09/2000 | 9/22/2010 |
| 26 | ENFUROL | 69151 | A13749/QĐ-ĐK | 29/12/2005 | 05/08/2004 | 8/5/2014 |
| 27 | ERAMUX | 64901 | A7708/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 19/12/2003 | 12/19/2013 |
| 28 | ERYBACT | 23777 | 0267/QĐNH | 19/02/1997 | 20/04/1996 | 20/04/2016 |
| 29 | ERYMEKOPHAR | 109361 | 18750/QĐ-SHTT | 17/09/2008 | 08/06/2007 | 08/06/2017 |
| 30 | FALCIDIN | 23992 | 0482/QĐNH | 29/03/1997 | 08/05/1996 | 5/8/2016 |
| 31 | GLIDIBIT | 96113 | 2667/QĐ-SHTT | 19/02/2008 | 11/07/2006 | 11/07/2016 |
| 32 | GONOXACIN | 18908 | 3925/QĐNH | 07/11/1995 | 06/04/1995 | 4/6/2015 |
| 33 | GYNOCETYL | 59282 | A9579/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 04/09/2003 | 9/4/2013 |
| 34 | GYNOTERNAN | 59273 | A9570/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 35 | Hình dáng nhãn chai MKP (PENI tiêm) | 45289 | 0579/QĐ-ĐK | 24/02/2003 | 30/11/2001 | 11/30/2011 |
| 36 | IDO | 26914 | 0919/QĐNH | 08/05/1998 | 03/09/1996 | 3/9/2016 |
| 37 | JELLYKID | 54239 | A2317/QĐ-ĐK | 14/05/2004 | 12/03/2003 | 3/12/2013 |
| 38 | KALECIN 500 | 64932 | A7739/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 19/12/2003 | 12/19/2013 |
| 39 | KIM XIÊM ĐƠN | 25617 | 2107/QĐNH | 19/11/1997 | 03/09/1996 | 3/9/2016 |
| 40 | KMG -MEKOPHAR | 38228 | 2357/QĐ-ĐK | 06/09/2001 | 24/04/2000 | 4/24/2010 |
| 41 | LANTASIM | 61539 | A2959/QĐ-ĐK | 04/04/2005 | 04/11/2003 | 11/4/2013 |
| 42 | LIFIBRAT | 62469 | A4417/QĐ-ĐK | 06/05/2005 | 25/11/2003 | 11/25/2013 |
| 43 | LINAVINA | 4411 | 569/QĐ-NH | 24/02/1992 | 23/08/1991 | 8/23/2011 |
| 44 | LIPISIM | 82780 | 6658/QĐ-SHTT | 05/06/2007 | 09/08/2005 | 09/08/2015 |
| 45 | LIPIVASTIN | 82634 | 6446/QĐ-SHTT | 31/05/2007 | 14/07/2005 | 14/07/2015 |
| 46 | LIPSTIN | 96356 | 2966/QĐ-SHTT | 22/02/2008 | 15/12/2005 | 15/12/2015 |
| 47 | LOCIMEZ | 66788 | A10262/QĐ-ĐK | 21/09/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 48 | LOGO MKP | 29861 | 0664/QĐNH | 01/03/1999 | 26/02/1997 | 2/26/2017 |
| 49 | LOMEDIUM | 58129 | A7898/QĐ-ĐK | 29/10/2004 | 01/09/2003 | 9/1/2013 |
| 50 | LUMARTEM | 125211 | 9823/QĐ-SHTT | 19/05/2009 | 23/07/2007 | 23/07/2017 |
| 51 | LUMETHEM | 123210 | 7479/QĐ-SHTT | 16/04/2009 | 22/06/2007 | 22/06/2017 |



| STT | TÊN | SỐ GCN | SỐ QĐ | NGÀY CẤP | NGÀY ƯU TIÊN | HIỆU LỰC |
|-----|--------------------|--------|---------------|------------|--------------|------------|
| 52 | LYSINKID | 70172 | A1508/QĐ-ĐK | 16/02/2006 | 11/08/2004 | 8/11/2014 |
| 53 | MALOXID | 15527 | 0634/QĐNH | 03/03/1995 | 16/06/1994 | 6/16/2014 |
| 54 | MÊKÔNG | 53342 | A654/QĐ-ĐK | 11/03/2004 | 24/01/2003 | 1/24/2013 |
| 55 | MEFLAVON | 66479 | A9753/QĐ-ĐK | 07/09/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 56 | MEKO ALLERGY FORT | 26108 | 0113/QĐNH | 12/01/1998 | 11/10/1996 | 11/10/2016 |
| 57 | MEKO BRAND | 24962 | 1452/QĐNH | 25/08/1997 | 13/07/1996 | 13/07/2016 |
| 58 | MEKO CEPHA | 63977 | A6472/QĐ-ĐK | 21/06/2005 | 08/10/2003 | 10/8/2013 |
| 59 | MEKO CLOXACIN | 66513 | A9851/QĐ-ĐK | 13/09/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 60 | MEKO CORAMIN | 22852 | 3287/QĐNH | 25/10/1996 | 09/01/1996 | 1/9/2016 |
| 61 | MEKO INH | 64973 | A7708/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 62 | MEKO SUPERMILK | 74906 | 8952/QĐ-SHTT | 05/09/2006 | 23/02/2005 | 23/02/2015 |
| 63 | MEKO TUSSIDEX | 22848 | 3283/QĐNH | 25/10/1996 | 09/01/1996 | 9/1/2016 |
| 64 | MEKOAMIN | 19360 | 4377/QĐNH | 08/12/1995 | 06/05/1995 | 5/6/2015 |
| 65 | MEKOARYL | 102523 | 10602/QĐ-SHTT | 05/06/2008 | 03/01/2006 | 03/01/2016 |
| 66 | MEKO-BC Complex | 23776 | 0266/QĐNH | 19/02/1997 | 20/04/1996 | 20/04/2016 |
| 67 | MEKOBLUE | 38814 | 2943/QĐ-ĐK | 08/11/2001 | 16/06/2000 | 6/16/2010 |
| 68 | MEKOCEFACTOR | 41023 | 1513/QĐ-ĐK | 07/05/2002 | 30/11/2000 | 11/30/2010 |
| 69 | MEKOCEFAL | 34632 | 1637/QĐNH | 21/08/2000 | 27/04/1999 | 4/27/2019 |
| 70 | MEKOCETIN | 76418 | 11151/QĐ-SHTT | 30/10/2006 | 02/02/2005 | 02/02/2015 |
| 71 | MEKOCILIN | 59272 | A9569/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 72 | MEKOCIPROX | 41520 | 2110/QĐ-ĐK | 27/06/2002 | 02/05/2001 | 5/2/2011 |
| 73 | MEKOCURCUMA | 44955 | 0245/QĐ-ĐK | 27/01/2003 | 20/03/2001 | 3/20/2011 |
| 74 | MEKODECOL | 15526 | 0633/QĐNH | 03/03/1995 | 16/06/1994 | 6/16/2014 |
| 75 | MEKODERM-NEOMYCIN | 44519 | 5009/QĐ-ĐK | 19/12/2002 | 08/10/2001 | 10/8/2011 |
| 76 | MEKODETUSS | 35063 | 2068/QĐNH | 26/09/2000 | 24/06/1999 | 6/24/2019 |
| 77 | MEKODIANCID | 35982 | 0111/QĐNH | 11/01/2001 | 13/09/1999 | 13/09/2019 |
| 78 | MEKODIN | 19413 | 4430/QĐNH | 15/12/1995 | 22/05/1995 | 5/22/2015 |
| 79 | MEKOFAN | 25618 | 2108/QĐNH | 19/11/1997 | 03/09/1996 | 3/9/2016 |
| 80 | MEKOFENAC | 37012 | 1141/QĐ-ĐK | 02/05/2001 | 01/02/2000 | 2/1/2010 |
| 81 | MEKOFERRAT | 64936 | A7743/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 82 | MEKOFLOQUIN | 44622 | 5112/QĐ-ĐK | 26/12/2002 | 21/08/2001 | 8/21/2011 |
| 83 | MEKOGLUTA-B6 | 32038 | 2841/QĐNH | 09/09/1999 | 04/07/1998 | 7/4/2018 |
| 84 | MEKOLACTAGIL | 38101 | 2230/QĐ-ĐK | 23/08/2001 | 19/05/2000 | 5/19/2010 |
| 85 | MEKOLASMIN | 63613 | A5959/QĐ-ĐK | 14/06/2005 | 12/01/2004 | 1/12/2014 |
| 86 | MEKO-LINH CHI | 19353 | 4370/QĐNH | 07/12/1995 | 06/05/1995 | 5/6/2015 |
| 87 | MEKOLUXEN | 25046 | 1536/QĐNH | 06/09/1997 | 17/07/1996 | 17/07/2016 |
| 88 | MEKOMORIVITAL FORT | 27713 | 1718/QĐNH | 30/07/1998 | 11/10/1996 | 11/10/2016 |
| 89 | MEKOMOX | 59271 | A9568/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 90 | MEKOMOXIN | 69150 | A13748/QĐ-ĐK | 29/12/2005 | 05/08/2004 | 8/5/2014 |
| 91 | MEKOMUCOSOL | 35656 | 2661/QĐNH | 11/12/2000 | 27/04/1999 | 4/27/2019 |
| 92 | MEKOMULVIT | 64758 | A7584/QĐ-ĐK | 14/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 93 | MEKO-OSCAL | 99389 | 6698/QĐ-SHTT | 10/04/2008 | 28/11/2006 | 28/11/2016 |
| 94 | MEKOPADOL | 24920 | 1410/QĐNH | 25/08/1997 | 09/07/1996 | 9/7/2016 |
| 95 | MEKOPEN | 22850 | 3285/QĐNH | 25/10/1996 | 09/01/1996 | 1/9/2016 |
| 96 | MEKOPERIN | 93139 | 19629/QĐ-SHTT | 17/12/2007 | 07/09/2005 | 07/09/2015 |



| STT | TÊN | SỐ GCN | SỐ QĐ | NGÀY CẤP | NGÀY ƯU TIÊN | HIỆU LỰC |
|-----|----------------|--------|---------------|------------|--------------|------------|
| 97 | MEKOPHARMA | 53343 | A655/QĐ-ĐK | 11/03/2004 | 24/01/2003 | 1/24/2013 |
| 98 | MEKOPHARTON | 61571 | A2998/QĐ-ĐK | 05/04/2005 | 04/11/2003 | 11/4/2013 |
| 99 | MEKOPORA | 64971 | A7778/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 100 | MEKOQUININ | 24963 | 1453/QĐNH | 25/08/1997 | 13/07/1996 | 13/07/2016 |
| 101 | MEKOROX | 41521 | 2011/QĐ-ĐK | 07/06/2002 | 02/05/2001 | 5/2/2011 |
| 102 | MEKOTAMOL | 34630 | 1635/QĐNH | 21/08/2000 | 27/04/1999 | 4/27/2019 |
| 103 | MEKOTIGYL | 64974 | A7781/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 104 | MEKOTRICIN | 15525 | 0632/QĐNH | 03/03/1995 | 16/06/1994 | 6/16/2014 |
| 105 | MEKOTROPYL | 36668 | 0797/QĐ-ĐK | 27/03/2001 | 17/11/1999 | 11/17/2009 |
| 106 | MEKOTYROSSIN | 28094 | 2099/QĐNH | 03/09/1998 | 10/04/1997 | 4/10/2017 |
| 107 | MEKOVANDA | 99388 | 6697/QĐ-SHTT | 10/04/2008 | 28/11/2006 | 28/11/2016 |
| 108 | MEKOZETEL | 31374 | 2177/QĐNH | 06/07/1999 | 10/04/1997 | 4/10/2017 |
| 109 | MEKOZINCEF | 44516 | 5006/QĐ-ĐK | 19/12/2002 | 05/07/2001 | 7/5/2011 |
| 110 | MEKOZITEX | 44515 | 5005/QĐ-ĐK | 19/12/2002 | 05/07/2001 | 7/5/2011 |
| 111 | MEKOZORAL | 86991 | 12026/QĐ-SHTT | 23/08/2007 | 01/09/2005 | 01/09/2015 |
| 112 | MEZADOL | 66787 | A10261/QĐ-ĐK | 21/09/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 113 | MULTIVICA | 22851 | 3286/QĐNH | 25/10/1996 | 09/01/1996 | 1/9/2016 |
| 114 | MULVITCALCI | 99387 | 6696/QĐ-SHTT | 10/04/2008 | 28/11/2006 | 28/11/2016 |
| 115 | MUTECIUM-M | 59283 | A9580/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 04/09/2003 | 9/4/2013 |
| 116 | MYCOCID | 24960 | 1450/QĐNH | 25/08/1997 | 13/07/1996 | 13/07/2016 |
| 117 | MYCOGYNAX | 23775 | 0265/QĐNH | 17/02/1997 | 20/04/1996 | 4/20/2016 |
| 118 | NAJATOX | 4404 | 562/QĐ-NH | 22/02/1992 | 23/08/1991 | 8/23/2011 |
| 119 | NASODROP | 64972 | A7779/QĐ-ĐK | 20/07/2005 | 26/03/2004 | 3/26/2014 |
| 120 | NEO-GYNOTERNAN | 74907 | 8953/QĐ-SHTT | 05/09/2006 | 23/02/2005 | 23/02/2015 |
| 121 | NOVOGYL | 33066 | 0071/QĐNH | 10/01/2000 | 03/11/1998 | 11/3/2018 |
| 122 | NOVOMYCINE | 26278 | 0283/QĐNH | 24/01/1998 | 04/11/1996 | 11/4/2016 |
| 123 | OFLOCAP | 59270 | A9567/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 124 | OFLOTAB | 59278 | A9575/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 125 | ONEGPAZIN | 82633 | 6445/QĐ-SHTT | 31/05/2007 | 14/07/2005 | 14/07/2015 |
| 126 | PARACOLD-MKP | 72378 | A4956/QĐ-ĐK | 29/05/2006 | 16/09/2004 | 16/09/2014 |
| 127 | PASTIL TYRO | 90374 | 16072/QĐ-SHTT | 15/10/2007 | 24/11/2006 | 24/11/2016 |
| 128 | PASTITUSSIN | 33795 | 0800/QĐNH | 19/04/2000 | 11/01/1999 | 1/11/2019 |
| 129 | PEDISUNATE | 84326 | 8790/QĐ-SHTT | 13/07/2007 | 10/08/2006 | 10/08/2016 |
| 130 | PLASMOCID | 26799 | 0804/QĐNH | 02/04/1998 | 24/12/1996 | 24/12/2016 |
| 131 | PONCITYL | 59522 | A129/QĐ-ĐK | 06/01/2005 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 132 | PROTAMOL | 15529 | 0636/QĐNH | 03/03/1995 | 16/06/1994 | 16/06/2014 |
| 133 | PSEUDOFED | 84325 | 8789/QĐ-SHTT | 13/07/2007 | 10/08/2006 | 10/08/2016 |
| 134 | QUINCEF | 44367 | 4857/QĐ-ĐK | 09/12/2002 | 20/09/2001 | 9/20/2011 |
| 135 | QUINSUNAT | 73682 | 6985/QĐ-SHTT | 18/07/2006 | 07/12/2004 | 07/12/2014 |
| 136 | RODILAR | 41014 | 1504/QĐ-ĐK | 07/05/2002 | 09/10/2000 | 10/9/2010 |
| 137 | ROYALCAP | 54240 | A2318/QĐ-ĐK | 14/05/2004 | 12/03/2003 | 3/12/2013 |
| 138 | SALIMENT | 41024 | 1514/QĐ-ĐK | 07/05/2002 | 30/11/2000 | 11/30/2010 |
| 139 | SHINING | 34539 | 1544/QĐNH | 11/08/2000 | 03/11/1998 | 11/3/2018 |
| 140 | SILBERFLAVON | 96111 | 2665/QĐ-SHTT | 19/02/2008 | 11/07/2006 | 11/07/2016 |
| 141 | SPARLOX 200 | 54706 | A3083/QĐ-ĐK | 11/06/2004 | 06/03/2003 | 3/6/2013 |
| 142 | SUBTYL | 26003 | 0008/QĐNH | 03/01/1998 | 17/07/1996 | 7/17/2006 |
| 143 | SULFACET C | 54238 | A2316/QĐ-ĐK | 14/05/2004 | 12/03/2003 | 3/12/2013 |
| 144 | SULFAPRIM-FORT | 12389 | 1607/QĐNH | 01/07/1994 | 12/07/1993 | 7/12/2013 |
| 145 | SUNFAGANIN | 24961 | 1451/QĐNH | 25/08/1997 | 13/07/1996 | 7/13/2016 |
| 146 | TAGINKO | 66478 | A9752/QĐ-ĐK | 07/09/2005 | 26/04/2004 | 4/26/2014 |
| 147 | TERNAFAST | 86522 | 11485/QĐ-SHTT | 17/08/2007 | 21/07/2005 | 21/07/2015 |



| STT | TÊN | SỐ GCN | SỐ QĐ | NGÀY CẤP | NGÀY ƯU TIÊN | HIỆU LỰC |
|-----|---------------|--------|--------------|------------|--------------|------------|
| 148 | TERPIN COPHAN | 30800 | 406/QĐ-ĐK | 23/12/2003 | 17/12/1997 | 12/17/2017 |
| 149 | TOPTUSSAN | 59269 | A9566/QĐ-ĐK | 24/12/2004 | 29/09/2003 | 9/29/2013 |
| 150 | TRIANXID | 34633 | 1638/QĐNH | 21/08/2000 | 27/04/1999 | 4/27/2019 |
| 151 | TRIBF | 42924 | 3414/QĐ-ĐK | 19/08/2002 | 05/07/2001 | 7/5/2011 |
| 152 | VIGNALIFE | 69152 | A13750/QĐ-ĐK | 29/12/2005 | 05/08/2004 | 8/5/2014 |
| 153 | VITEXIN | 41015 | 1505/QĐ-ĐK | 07/05/2002 | 09/10/2000 | 10/9/2010 |
| 154 | VUDILAMIN | 101964 | 9916/QĐ-SHTT | 28/05/2008 | 13/02/2006 | 13/02/2016 |
| 155 | ZEFDAVIR | 96112 | 2666/QĐ-SHTT | 19/02/2008 | 11/07/2006 | 11/07/2016 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

6.10 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết:

Các hợp đồng có giá trị lớn của Công ty chủ yếu là các hợp đồng bán tân dược, bán nguyên liệu kháng sinh và các hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu dược. Dưới đây là một số hợp đồng có giá trị lớn MEKOPHAR đang thực hiện:

| STT | SỐ HỢP ĐỒNG | SẢN PHẨM | TRỊ GIÁ | ĐỐI TÁC |
|-----|---------------|-----------------|---------------------|---|
| 1 | 58/KHKD | Bán tân dược | 1,169 tỷ VND | Bệnh viện Nhi Đồng 1 |
| 2 | 131/KHKD | Bán tân dược | 2,643 tỷ VND | Bệnh viện Từ Dũ |
| 3 | 375/KHKD | Bán tân dược | 3,981 tỷ VND | Bệnh viện Nhân dân 115 |
| 4 | 02/09/KHKD | Bán tân dược | Hợp đồng nguyên tắc | Công ty Dược Sài Gòn – Sapharco |
| 5 | 128/KHKD | Bán tân dược | Hợp đồng nguyên tắc | Công ty Cổ phần Dược phẩm Mê Kông |
| 6 | 21/09/KHKD | Bán tân dược | Hợp đồng nguyên tắc | Công ty Dược phẩm Trung Ương II – Codupha |
| 7 | 2609/GSPL-MKP | Mua nguyên liệu | 137.400 USD | Gloسل Singapore Pte Ltd |
| 8 | WM0909082962 | Mua nguyên liệu | 149.175 USD | Shine Resources Ltd |
| 9 | SRSC090713-01 | Mua nguyên liệu | 155.025 USD | Shine Resources Ltd |
| 10 | 0716/RM/2009 | Mua nguyên liệu | 117.000 USD | SM Chemicals SDN. BHD |
| 11 | WM0906172533 | Mua nguyên liệu | 155.025 USD | Shine Resources Ltd |
| 12 | HNP09A016 | Mua nguyên liệu | 143.280 USD | HNG Chembio Trading Co., Ltd |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất:

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm 2007, 2008 và năm 2009:

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | Đơn vị tính: ngàn đồng | |
|------------------------|-------------|-------------|---------------------------------------|-------------|
| | | | % tăng, giảm năm 2008 so với năm 2007 | Năm 2009 |
| Tổng tài sản | 385.752.965 | 401.476.172 | 4,08% | 447.382.505 |
| Doanh thu thuần | 545.487.429 | 596.028.175 | 9,27% | 646.844.920 |
| Lợi nhuận từ hoạt động | 83.407.161 | 78.227.701 | -6,21% | 79.942.308 |



kinh doanh

| | | | | |
|---|------------|------------|---------|------------|
| Doanh thu tài chính (#) | 1.305.311 | 3.278.942 | 151,20% | 4.966.297 |
| Lợi nhuận khác | 1.932.003 | 1.955.718 | 1,23% | 975.835 |
| Lợi nhuận trước thuế | 85.339.164 | 80.183.419 | -6,04% | 80.918.143 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 85.339.164 | 80.183.419 | -6,04% | 80.918.143 |
| Số thuế TNDN phải nộp | 22.555.007 | 18.520.201 | -17,89% | 19.727.457 |
| Lợi nhuận sau thuế | 62.784.157 | 61.663.218 | -1,79% | 61.190.687 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 7.854 | 7.267 | -7,47% | 6.753 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | 20% | 30% | 50,00% | 30% |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009

(#): Cổ tức lợi nhuận được chia từ việc đầu tư vào Công ty TNHH Bệnh viện Tư nhân Đa khoa An Sinh năm 2008 là 1.054.368.322 đồng và 2009 là 1.676.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2009, Mekophar tỷ lệ đầu tư của Mekophar vào Công ty TNHH Bệnh viện Tư nhân Đa khoa An Sinh là 22% trên vốn điều lệ 38,1 tỷ đồng.

Nhận xét: Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2009 là 447.382.505.024 đồng, tăng 11,43% so với thời điểm 31/12/2008. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc tăng lên của tài sản cố định vô hình và khoản mục tiền trên Bản cân đối kế toán. Khả năng thanh toán nhanh của Công ty luôn được duy trì ở mức cao do lượng tiền lớn và Công ty không sử dụng chi phí đi vay, điều đó thể hiện khả năng tự chủ về tài chính và phát triển bền vững của Công ty. Theo số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt trên 61 tỷ đồng, đạt 108,93% kế hoạch cả năm 2009.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009:

Ngành dược Việt Nam với tốc độ tăng trưởng hàng năm khá cao, khá hấp dẫn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Bên cạnh đó, năm 2009 là năm có nhiều biến động như: dịch cúm H1N1, suy thoái kinh tế, giá nguyên liệu tăng, tình hình chính trị diễn biến phức tạp và xung đột vũ trang thường xuyên xảy ra trên thế giới, lãi suất và lạm phát tăng cao.... gây ảnh hưởng không nhỏ đến giá cả nguyên vật liệu để sản xuất dược phẩm

Tuy 2009 là năm có nhiều biến động khách quan làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất của hầu hết các doanh nghiệp. Nhưng với MEKOPHAR là không đáng kể, kết quả kinh doanh năm 2009 rất đáng khích lệ:

- Doanh thu thuần đạt 646,8 tỷ đồng tăng trên 8,53% so với năm 2008.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 80,9 tỷ đồng tăng 0,92% so với năm 2008.

Những thuận lợi và khó khăn có thể ghi nhận như sau:

• Những nhân tố thuận lợi:

- Hệ thống quản lý chất lượng GMP ngày càng phát huy tác dụng và tạo hiệu quả tích cực đến nhiều mặt hoạt động của Công ty.
- Nguồn nguyên liệu sản xuất ổn định.
- Số dư nợ vay ngân hàng ít.
- Thương hiệu MEKOPHAR được đánh giá cao, sản phẩm của MEKOPHAR được



khách hàng trong, ngoài nước và giới điều trị tại bệnh viện tín nhiệm.

- Thị trường trong nước vẫn còn tiềm năng phát triển rất lớn.
- Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt có trình độ, tâm huyết và gắn bó với Công ty.
- Cán bộ nhân viên có trình độ, được đào tạo căn bản, nắm vững công nghệ và có kinh nghiệm vững vàng.
- **Những nhân tố khó khăn:**
 - Giá các loại nguyên liệu tăng do khan hiếm nguồn cung vì bị tác động bởi những biến động về giá dầu hoả, dịch bệnh, đặc biệt là cúm H1N1 đang xuất hiện ở nhiều nước, tình hình khủng bố, biến động chính trị xảy ra tại nhiều khu vực trên thế giới.
 - Cạnh tranh gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước đối với các sản phẩm thuốc thông thường (generic).
 - Tại thị trường xuất khẩu lớn của Công ty ở các nước Châu Phi đã xuất hiện hàng giả, hàng nhái nhãn hiệu của MEKOPHAR.
 - Giá nhập khẩu nguyên liệu kháng sinh thấp hơn giá thành nguyên liệu kháng sinh của Công ty sản xuất.
 - Thiếu nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Theo số liệu được ghi nhận tại báo cáo tổng kết năm 2009 công bố trên thị trường chứng khoán Việt Nam, doanh thu thuần của một số doanh nghiệp sản xuất thuốc tân dược điển hình trong nước như: Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (1.746 tỷ), Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar (647 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (660 tỷ đồng), Công ty Cổ phần XNK y tế Domesco (1.068 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Dược Cửu Long (576 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (371 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Traphaco (747 tỷ).

Về xuất khẩu, hầu hết các doanh nghiệp đều gặp khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Tuy nhiên, theo báo cáo tổng kết năm 2009 của Tổng Công ty dược Việt nam năm 2009 kim ngạch xuất khẩu của các thành viên đạt 21,99 triệu USD, bằng 146,29% kế hoạch năm, tăng 13,48% so với năm 2008, trong đó kim ngạch xuất khẩu của MEKOPHAR trong năm 2009 đạt 5,71 triệu USD, chiếm trên 17% tổng doanh thu thuần. Thị trường xuất khẩu truyền thống như khu vực Châu Âu: Nga, Ukraina, Moldova, một số nước Đông Âu cũ; khu vực Châu Á: Lào, Campuchia, Myanmar, Malaysia; khu vực Châu Phi: Congo, Nigeria...

Hiện tại, MEKOPHAR là một trong những doanh nghiệp mạnh của ngành dược trong nước, có doanh số sản xuất tân dược trong 10 doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất trên thị trường trong nước cũng như xuất khẩu, theo ước tính của Mekophar thị phần của Công ty chiếm khoảng 7% thị phần trong nước.

Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar là một trong những công ty sản xuất Dược hàng đầu của Việt Nam đạt đủ các tiêu chuẩn của GMP-WHO từ sản xuất, kiểm nghiệm



đến tồn trữ và là đơn vị có nhà máy sản xuất nguyên liệu kháng sinh duy nhất trong cả nước.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA MEKOPHAR NĂM 2009 VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH ĐANG NIÊM YẾT TRÊN SGDK TP.HCM:

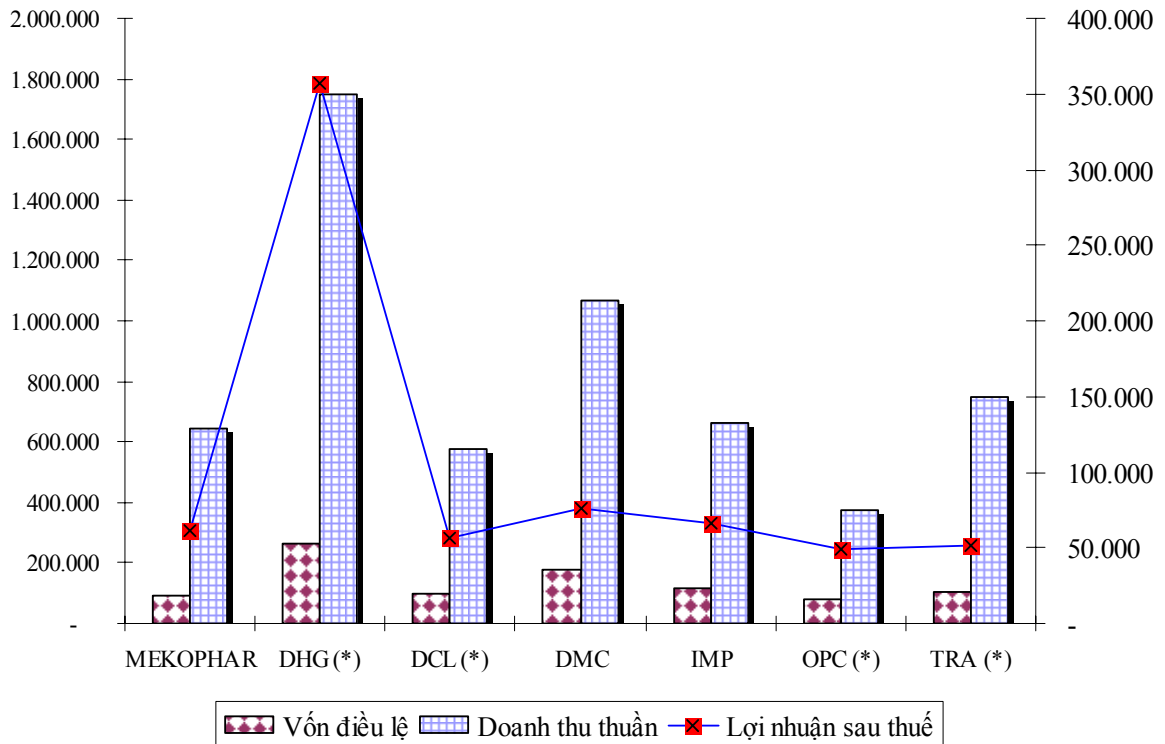
| CHỈ TIÊU | MEKOPHAR | DHG ^(*) | DCL ^(*) | DMC | IMP | OPC ^(*) | TRA ^(*) |
|---|----------|--------------------|--------------------|-----------|---------|--------------------|--------------------|
| Vốn điều lệ (triệu đồng) | 92.100 | 226.630 | 97.193 | 178.093 | 116.598 | 81.900 | 101.982 |
| Doanh thu thuần (triệu đồng) | 646.845 | 1.746.022 | 575.519 | 1.067.897 | 660.076 | 371.463 | 747.041 |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 61.191 | 357.071 | 56.472 | 76.362 | 65.707 | 49.393 | 51.047 |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) | 342.897 | 1.010.376 | 289.477 | 497.253 | 537.730 | 262.154 | 259.177 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (%) | 9,46 | 20,45 | 9,81 | 7,51 | 9,95 | 13,30 | 6,83 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%) | 66,44 | 133,92 | 58,10 | 42,88 | 56,35 | 60,31 | 50,05 |
| ROA (%) | 13,68 | 23,46 | 8,81 | 10,76 | 8,98 | 12,82 | 12,57 |
| ROE (%) | 17,85 | 35,34 | 19,51 | 15,36 | 12,22 | 18,84 | 19,70 |
| EPS (đồng) | 6.753 | 13.396 | 5.812 | 4.349 | 5.659 | 5.958 | 6.231 |

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009 công bố trên HOSE

(*): Số liệu lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất



BIỂU ĐỒ SO SÁNH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA MEKOPHAR NĂM 2009 VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH ĐANG NIÊM YẾT TRÊN SGDCK TP.HCM



8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Cùng với tốc độ phát triển kinh tế của cả nước, ngành dược Việt nam đã không ngừng phát triển, đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và xây dựng thương hiệu trên thị trường. Lượng thuốc sản xuất trong nước đã đáp ứng được 50% nhu cầu tiêu dùng và dành cho xuất khẩu sang các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù doanh thu xuất khẩu thuốc của doanh nghiệp dược nước ta còn nhỏ nhưng đây là nền tảng để thúc đẩy phát triển ngành dược và tiến tới xây dựng thương hiệu dược phẩm của Việt Nam.

Ngày 29 tháng 03 năm 2007, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Phát triển công nghiệp Dược và xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020”. Với chỉ tiêu cụ thể là:

- Về phát triển công nghiệp dược Việt Nam:
 - Xây dựng và phát triển hệ thống các nhà máy sản xuất thuốc trong nước, tiến tới đáp ứng cơ bản nhu cầu về thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân; bảo đảm thuốc sản xuất trong nước đáp ứng được 70% trị giá tiền thuốc vào năm 2015 và 80% vào năm 2020, trong đó thuốc thuộc danh mục: thuốc thiết yếu, thuốc phục vụ cho các chương trình y tế quốc gia đáp ứng được khoảng 90% nhu cầu sử dụng;
 - Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học bao gồm: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai và sản xuất thử nghiệm các nguyên liệu làm thuốc phục vụ phát triển công nghiệp hóa dược và đáp ứng nhu cầu nguyên



- liệu sản xuất thuốc trong nước;
- Xây dựng và phát triển các nhà máy hoá dược nhằm sản xuất và cung cấp nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp bào chế thuốc; bảo đảm đáp ứng được 20% nhu cầu nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp bào chế thuốc vào năm 2015 và 50% vào năm 2020;
 - Phát huy tiềm năng, thế mạnh về dược liệu và thuốc y học cổ truyền, đẩy mạnh công tác quy hoạch, nuôi trồng và chế biến dược liệu, xây dựng ngành công nghiệp bào chế thuốc từ dược liệu và thuốc y học cổ truyền trở thành một phần quan trọng của ngành Dược Việt Nam; bảo đảm số lượng thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc y học cổ truyền chiếm 30% số thuốc được sản xuất trong nước vào năm 2015 và 40% vào năm 2020.
- Về xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc:
- Xây dựng và phát triển hệ thống lưu thông phân phối và cung ứng thuốc từ trung ương đến địa phương nhằm chủ động điều tiết ổn định thị trường thuốc, phục vụ tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo đảm mọi người dân có nhu cầu đều có thể tiếp cận được với nguồn thuốc có chất lượng và giá cả hợp lý.

Theo Hiệp hội sản xuất, kinh doanh Dược Việt Nam, trong vài năm gần đây, ngành công nghiệp Dược nước ta có sự phát triển khá mạnh. Điều này được thể hiện ở giá trị sản xuất thuốc trong nước liên tục tăng. Năm 2006, giá trị thuốc sản xuất trong nước đạt 475,4 triệu USD và năm 2007 tăng lên 600,6 triệu USD và năm 2008 đạt 693,7 triệu USD. Đến hết tháng 6/2008, có 8.167 số đăng ký thuốc sản xuất trong nước, trong đó số đăng ký tân dược là 6.422, chiếm 78,6%. Giá trị chi tiêu dùng thuốc không ngừng tăng từ năm 1993 đến 2008.

Trong giai đoạn 2001 – 2008, tiêu thụ thuốc tân dược của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 19,90%. Tổng doanh thu toàn ngành năm 2008 đạt trên 1,4 tỷ USD, chiếm 1,6% GDP của cả nước. Những con số trên đánh dấu bước phát triển vượt bậc của ngành dược Việt Nam, không những thế các doanh nghiệp trong ngành còn ngày càng tăng cường tỷ trọng thuốc sản xuất trong nước trên tổng giá trị tiền thuốc sử dụng. Hiện nay, sản lượng thuốc sản xuất trong nước đã đáp ứng được 50% nhu cầu tiêu thụ thuốc nội địa và đang hướng ra xuất khẩu.

SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ SỬ DỤNG THUỐC NĂM 2008

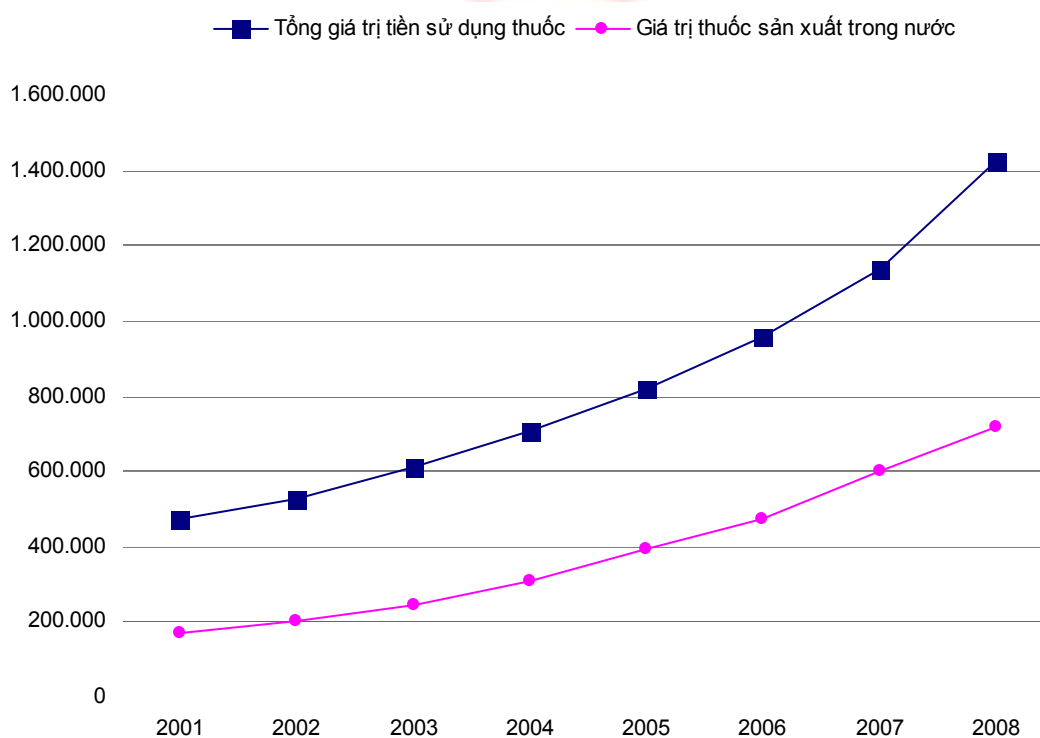
| NĂM | TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN SỬ DỤNG THUỐC (1.000 USD) | THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC | | TĂNG TRƯỞNG (%) | BÌNH QUÂN TIỀN THUỐC TÍNH TRÊN ĐẦU NGƯỜI (USD) |
|------|--|------------------------------|--------------|-----------------------|--|
| | | TRỊ GIÁ (1.000 USD) | TỶ LỆ (%) | | |
| 2001 | 472.356 | 170.390 | 36,10 | 100,00 | 6,00 |
| 2002 | 525.807 | 200.290 | 38,10 | 117,55 | 6,70 |
| 2003 | 608.699 | 241.870 | 39,74 | 120,76 | 7,60 |



| | | | | | |
|------|-----------|---------|-------|--------|-------|
| 2004 | 707.535 | 305.950 | 43,24 | 126,48 | 8,60 |
| 2005 | 817.396 | 395.157 | 48,34 | 129,16 | 9,85 |
| 2006 | 956.353 | 475.403 | 49,71 | 120,31 | 11,23 |
| 2007 | 1.136.353 | 600.630 | 52,86 | 126,34 | 13,39 |
| 2008 | 1.425.657 | 715.435 | 50,18 | 125,00 | 16,45 |

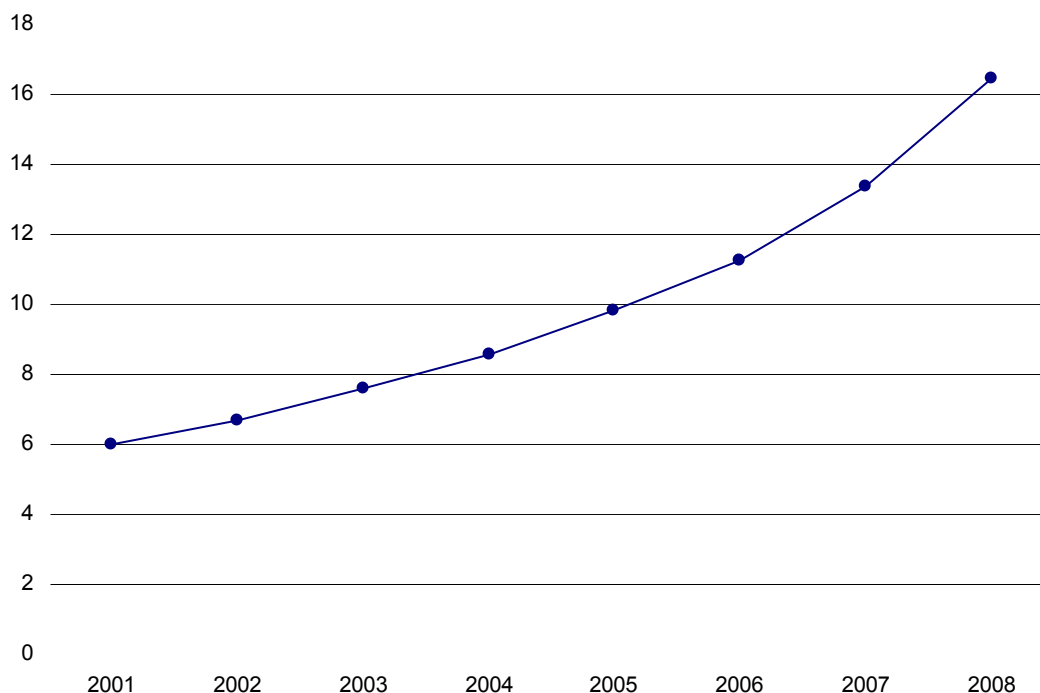
Nguồn: Hiệp hội kinh doanh dược Việt Nam

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU GIÁ TRỊ THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC TRÊN TỔNG GIÁ TRỊ TIỀN THUỐC SỬ DỤNG NĂM 2008





BIỂU ĐỒ TIỀN THUỐC BÌNH QUÂN TÍNH THEO ĐẦU NGƯỜI QUA CÁC NĂM



Từ các số liệu ghi nhận và định hướng phát triển ngành dược của Chính phủ chúng ta có thể nhận định rằng thị trường dược phẩm trong nước còn tiềm năng phát triển rất lớn cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước, nhất là các doanh nghiệp có GMP-WHO, trong việc đáp ứng cho nhu cầu xã hội thay thế hàng ngoại nhập.

8.3. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển mang tính đột phá, trọng tâm vào các nhóm sản phẩm như: thực phẩm chức năng, nguyên liệu kháng sinh, sản phẩm mỹ phẩm và các sản phẩm thử nghiệm thuốc từ tế bào gốc.
- Duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn về kiểm nghiệm, sản xuất và bảo quản thuốc theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Tiếp tục duy trì và phát triển các mặt hàng có lợi nhuận biên cao, đồng thời phát triển các dịch vụ và sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa lợi nhuận hướng đến phát triển ổn định, bền vững.

b. Chiến lược Marketing:

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá hình ảnh MEKOPHAR trên mọi vùng, miền trong nước cũng như ở nước ngoài. Khai thác lợi thế cạnh tranh, xây dựng thương hiệu đến tay người tiêu dùng thông qua các hoạt động xã hội, tuyên truyền.
- củng cố và tiếp tục phát triển các thị trường trong nước, đặc biệt là miền Bắc, miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Từng bước đưa sản phẩm của Công ty đến từng bệnh viện, trung tâm y tế, trạm xá, nhà thuốc.
- Phân đầu tăng thị trường tiêu thụ trong nước từ 7% hiện tại lên 10%.

c. Chiến lược đầu tư phát triển:



- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện Ngân hàng lưu trữ tế bào gốc (Mekostem) để từng bước có thể ứng dụng trên cơ thể người.
- Triển khai dự án sản xuất nguyên liệu kháng sinh nhóm Cephalosporin (giai đoạn 1) tại 297/5 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Thực hiện các thủ tục liên quan triển khai dự án xây dựng tại số 192 Pasteur, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xây dựng trung tâm thương mại và căn hộ tại khu đất số 620 Kinh Dương Vương.
- Xây dựng, phát triển giai đoạn 2 của dự án Nhà máy sản xuất nguyên liệu Cephalosporin và Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP - WHO tại khu đất thuộc tỉnh Bình Dương (diện tích 41.000 m²).

d. Về công nghệ:

- Từng bước hiện tại hóa trang bị máy móc, dây chuyền sản xuất. Tính đến ngày 31/12/2008, tổng giá trị Công ty đầu tư mua sắm thiết bị trên 36 tỷ đồng. Chủ yếu là đầu tư cho dây chuyền Cephalosporin và các máy móc phục vụ cho dự án lưu trữ và ứng dụng tế bào gốc.
- Tiên phong trong công tác nghiên cứu và sản xuất thuốc kháng sinh phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu với dây chuyền sản xuất hiện đại nhất trong khu vực có công suất trên 400.000 tấn/năm.

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Mục tiêu phát triển của công ty là trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, sức khỏe cộng đồng ngày càng cao hơn của người dân, góp phần giải quyết vấn đề an sinh xã hội, đây cũng là một trong những quốc sách mà Nhà nước đang nỗ lực thực hiện.

Hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành và Nhà nước trong việc từng bước nâng cao chất lượng cho công tác phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân, đặc biệt ưu tiên đảm bảo đủ thuốc cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt, thảm họa.

Xuất khẩu dược phẩm trong những năm gần đây cũng có nhiều khởi sắc, tổng giá trị xuất khẩu không ngừng tăng nhanh trong giai đoạn từ 2006 – 2008. Thị trường xuất khẩu dược phẩm chủ yếu của Việt Nam trong những năm gần đây là châu Phi, Nga, một số nước trong khu vực Đông Nam Á. Theo dự báo của WHO, tốc độ tăng trưởng của ngành Dược toàn cầu trong giai đoạn 2007 – 2010 sẽ đạt từ 10 % - 13 %. Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của ngành Dược ngày càng trở nên quan trọng, việc xây dựng và phát triển ngành Dược một cách vững mạnh và bền vững là quốc sách của nhiều nước. Đặc biệt trong bối cảnh thế giới luôn phải đương đầu với dịch bệnh có mức độ truyền nhiễm cao, các bệnh nan y, thiên tai ngày càng xảy ra một cách thường xuyên và mức độ nguy hiểm ngày càng lớn.

9. Chính sách đối với người lao động:



9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

| Trình độ | Năm 2007 | | Năm 2008 | | Năm 2009 | |
|---------------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|----------------|
| | Số CB.CNV | Tỷ trọng | Số CB.CNV | Tỷ trọng | Số CB.CNV | Tỷ trọng |
| Cao học | 4 | 0,50% | 4 | 0,46% | 5 | 0,61% |
| Đại học | 124 | 15,37% | 138 | 15,88% | 137 | 16,65% |
| Cao đẳng, trung học | 133 | 16,48% | 152 | 17,49% | 155 | 18,83% |
| Lao động phổ thông | 546 | 67,66% | 575 | 66,17% | 526 | 63,91% |
| Tổng cộng | 807 | 100,00% | 869 | 100,00% | 823 | 100,00% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar

9.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 9h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, với nhịp độ sản xuất 02 ca/ngày. Đối với các bộ phận đặc thù nhịp độ 03 ca/ngày.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nhà ăn khang trang, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được Công ty đãi thọ một suất ăn mỗi ngày, ngoài ra đối với cán bộ sản xuất trực tiếp còn được hưởng chế độ trợ cấp độc hại.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về GMP, kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại nhà máy sản xuất. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về GMP, về chuyên môn, nghiệp vụ, nội quy lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, trách nhiệm quyền hạn được giao.

Đào tạo hàng năm: Căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp để huấn luyện. Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay



để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo. Những cán bộ công nhân viên cử đi học được Công ty hỗ trợ chi phí học tập và tạo điều kiện về thời gian.

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách thưởng theo bình bầu ABC. Ngoài ra, tùy vào hiệu quả kinh doanh, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách cộng thưởng thêm từ 1 tháng đến 4 tháng lương vào cuối mỗi năm. Hội đồng khen thưởng sẽ xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện năng suất lao động, tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức sản xuất.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát trong và ngoài nước, duy trì phong trào Văn - Thể - Mỹ. Công đoàn cơ sở Công ty được trao tặng cờ khen tặng của Công đoàn y tế Việt Nam công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc nhất trong nhiều năm liền. Bằng khen của Liên đoàn lao động Tp.HCM là Công đoàn xuất sắc năm 2005.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

10. Chính sách cổ tức:

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tình hình phân phối cổ tức trong những năm qua của MEKOPHAR như sau:

- Năm 2007: Công ty chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% vốn cổ phần.
- Năm 2008: Công ty chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% vốn cổ phần.
- Ngày 26 tháng 06 năm 2009, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2009 với tỷ lệ 8% vốn cổ phần.
- Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 2 cho năm 2009 với tỷ lệ 12% vốn cổ phần.

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt nam, được lập và trình



bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

a. Trích khấu hao tài sản cố định:

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| | |
|------------------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc : | 25 năm |
| - Máy móc và thiết bị: | 5 – 8 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 6 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý : | 5 năm |
| - Tài sản khác | 5 năm |

b. Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2007 là 4.412.167 đồng/người, năm 2008 là 4.533.896 đồng/người và chín tháng đầu năm 2009 là 5.109.054 đồng/người. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Trích lập các quỹ:

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của MEKOPHAR và các văn bản pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ của năm 2007, 2008 và 2009 như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: ngàn đồng | | |
|--------------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
| | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 10.049.417 | 10.049.417 | 10.049.417 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 102.278.648 | 116.301.785 | 140.030.624 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 24.485.596 | 27.549.294 | 26.546.163 |
| Tổng cộng : | 136.813.661 | 153.900.495 | 176.626.204 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009

e. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định.

f. Tổng dư nợ vay hiện nay: Công ty không có thực hiện vay vốn

g. Tình hình công nợ hiện nay:

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: ngàn đồng



Bản cáo bạch

MEKOPHAR

| CHỈ TIÊU | NĂM 2007 | | NĂM 2008 | | NĂM 2009 | |
|-------------------------------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| | Tổng số | Nợ quá hạn | Tổng số | Nợ quá hạn | Tổng số | Nợ quá hạn |
| Phải thu của khách hàng | 59.630.157 | | 63.660.222 | | 89.248.934 | |
| Trả trước cho người bán | 36.782.206 | | 15.715.177 | | 6.648.975 | |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | - | | - | | | |
| Các khoản phải thu khác | 304.907 | | 954.493 | | 406.182 | |
| - Phải thu khác ngắn hạn | 304.907 | | 954.493 | | 406.182 | |
| - Phải thu khác dài hạn | - | | - | | - | |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | - | | - | | - | |
| Tổng cộng | 96.717.270 | | 80.329.891 | | 96.304.091 | |

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

- Các khoản phải trả:

| CHỈ TIÊU | NĂM 2007 | | NĂM 2008 | | NĂM 2009 | |
|-------------------------------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| | Tổng số | Nợ quá hạn | Tổng số | Nợ quá hạn | Tổng số | Nợ quá hạn |
| Nợ ngắn hạn | 50.195.81 | | 52.834.561 | | 66.429.629 | |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | | - | | - | |
| Phải trả cho người bán | 9.785.901 | | 18.735.473 | | 27.243.268 | |
| Người mua trả tiền trước | 103.552 | | 1.294.634 | | 2.968.067 | |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13.809.662 | | 10.546.436 | | 6.968.300 | |
| Phải trả người lao động | 7.451.359 | | 4.463.942 | | 8.206.358 | |
| Chi phí phải trả | 27.500 | | - | | - | |
| Phải trả nội bộ | - | | - | | - | |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 19.017.832 | | 17.794.075 | | 21.043.636 | |
| Nợ dài hạn | 20.427.375 | | 13.494.945 | | 11.509.430 | |
| Phải trả dài hạn khác | - | | - | | - | |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 20.000.000 | | 13.000.000 | | 11.000.000 | (1) |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 427.375 | | 494.945 | | 509.430 | |
| Tổng cộng | 70.623.181 | | 66.329.506 | | 77.939.059 | |



(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

(1): Đây là khoản trích trước từ lãi sau thuế dự phòng các dự án nghiên cứu khoa học

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| CHỈ TIÊU | NĂM 2007 | NĂM 2008 | NĂM 2009 |
|--|----------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần) | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | 6,35 | 5,63 | 4,94 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 3,07 | 2,17 | 2,63 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 18,31% | 16,52% | 17,42 |
| - Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 22,42% | 19,79% | 21,10 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần) | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | 2,29 | 2,40 | 2,89 |
| - Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) | 1,41 | 1,49 | 1,45 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) | | | |
| - Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 11.51% | 10.35% | 9,46 |
| - Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | 21.61% | 20.05% | 17,85 |
| - Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 16.28% | 15.36% | 13,68 |
| - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 15.29% | 13.12% | 12,26 |

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

12. Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát:

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch HĐQT:

Bà **Huỳnh Thị Lan**: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 10/05/1951
- Nơi sinh : Tp.Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân : 020215339
- Ngày cấp : 13/06/2003
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tp.Hồ Chí Minh



- Địa chỉ thường trú : Số 28/14 Cách Mạng Tháng Tám, P.14, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học, Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :

 - × Từ 1975 đến 1979: Phụ trách kỹ thuật Phân xưởng Tiêm - Truyền tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 1979 đến 1983: Quản đốc Phân xưởng Thuốc viên tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 1983 đến 1985: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 1985 đến 1993: Trưởng phòng Điều độ sản xuất, Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 1993 đến 1995: Phó Giám đốc tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 1995 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
 - × Từ 2002 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa An Sinh
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Mekong
 - Ủy viên Hội đồng tư vấn mã vạch Việt Nam
 - Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội sản xuất Dược Việt Nam
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 497.633 cổ phần, chiếm 5,40% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 497.633 cổ phần, chiếm 5,40% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|--------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Phạm Mạnh Hùng | Chồng | 34.236 | 0,37% |
| Phan Thị Lan Hương | Con | 220.619 | 2,40% |
| Phan Minh Hoàng | Con | 153.630 | 1,67% |
| Huỳnh Thị Trong | Chị | 8.250 | 0,09% |
| Huỳnh Thị Xanh | Chị | 8.976 | 0,10% |
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

b. Thành viên HĐQT

Bà Đặng Thị Kim Lan: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 12/05/1951
- Nơi sinh : Nam Ninh
- Số chứng minh nhân dân : 020036770
- Ngày cấp : 25/03/2003
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ý Yên, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số 662/8 Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :
 - × Từ 1980 đến 1986: Phụ trách kỹ thuật Phân xưởng Thuốc viên tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1986 đến 1991: Phó Quản đốc Phân xưởng Kháng sinh tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1991 đến 1995: Phó Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1995 đến 1997: Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1997 đến 2002: Phó Giám đốc tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 2002 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa An Sinh.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Bao Bì Dược
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 179.450 cổ phần, chiếm 1,95% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 179.450 cổ phần, chiếm 1,95% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:



| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|---------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Bùi Tùng Hiệp | Chồng | 45.200 | 0,49% |
| Bùi Đăng Lan Hương | Con | 49.875 | 0,54% |
| Bùi Đăng Phương Chi | Con | 54.550 | 0,59% |
| Bùi Đăng Minh Trí | Con | 45.475 | 0,49% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

c. Thành viên HĐQT

Bà Võ Thị Thanh Vân: Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/01/1950
- Nơi sinh : Bình Định
- Số chứng minh nhân dân : 020094843
- Ngày cấp : 24/10/1994
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Cát Sơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định
- Địa chỉ thường trú : Số 236A/7 Lê Văn Sĩ, P.1, Q.TB, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :
 - × Từ 1976 đến 1986: Công tác tại Trạm nghiên cứu Dược liệu của Sở Y Tế TP.Hồ Chí Minh
 - × Từ 1990 đến 1995: Trưởng phòng nghiên cứu Trung tâm Dinh dưỡng Trẻ em
 - × Từ 1995 đến 1997: Trợ lý kỹ thuật Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 1997 đến 2000: Phó Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 2000 đến 2002: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 2005 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:



- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 52.061 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 52.061 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|---------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Trần Văn Anh | Con | 21.500 | 0,23% |
| Trần Thị Thanh Thủy | Con | 16.000 | 0,17% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

d. Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thùy Vân: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 12/03/1959
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân : 020651130
- Ngày cấp : 17/10/2006
- Nơi cấp : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 147 QL 13, P.6, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :
- × Từ 1983 đến 1995: Công tác tại Phòng Nghiên cứu tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
- × Từ 1995 đến 1999: Công tác tại Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
- × Từ 1999 đến 2002: Phó phòng Đảm bảo chất lượng tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
- × Từ 2005 đến nay: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar



- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc kỹ thuật kiêm Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 113.324 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 113.324 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Phan Thanh Tịnh | Chồng | 54.711 | 0,59% |
| Nguyễn Minh Tuấn | Em | 30.266 | 0,33% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

e. Thành viên HĐQT

Ông Lê Anh Phương: Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/06/1960
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân : 022076229
- Ngày cấp : 13/06/2009
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : Số 5 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :
- × Từ 1978 đến 1984: Gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam
- × Từ 1984 đến 1989: Công tác tại Liên hiệp Xí nghiệp Máy công cụ - Nhà máy Đay Indira Gandhi Sở Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh
- × Từ 1989 đến 2002: Phó Quản đốc phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24



- × Từ 2002 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Quản đốc Phân xưởng cơ điện tại Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Quản đốc Phân xưởng Cơ điện tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 100.261 cổ phần, chiếm 1,09% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 100.261 cổ phần, chiếm 1,09% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|----------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Trần Thị Hương | Mẹ | 6.650 | 0,07% |
| Lê Quang Minh | Anh | 45.502 | 0,49% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

f. Thành viên HĐQT

Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Anh**: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Sản xuất kiêm Quản đốc phân xưởng Dược phẩm tại Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/05/1965
- Nơi sinh : Hà Tây
- Số chứng minh nhân dân : 021695795
- Ngày cấp : 17/02/2005
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú : Số 8/B4 Huỳnh Hữu Bạc, P.4, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :

- × Từ 1987 đến 1999: Công tác tại Tổ pha chế thuốc viên tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24



- × Từ 1999 đến 2002: Phó quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
- × Từ 2002 đến 2009: Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
- × Từ 2009 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Sản xuất kiêm Quản đốc phân xưởng Dược phẩm tại Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Sản xuất kiêm Quản đốc phân xưởng Dược phẩm tại Công ty cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 1.452.011 cổ phần, chiếm 15,77% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 66.011 cổ phần, chiếm 0,72% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 1.386.000 cổ phần, chiếm 15,05% vốn điều lệ

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|--------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Dương Văn Lanh | Chồng | 10.000 | 0,11% |
| Dương Minh Trang | Con | 10.000 | 0,11% |
| Nguyễn Thị Vân Anh | Em | 23.047 | 0,25% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

g. Thành viên HĐQT

Bà **Phan Thị Lan Hương**: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1977
- Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
- Số chứng minh nhân dân : 023187672
- Ngày cấp : 28/06/1994
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : Số 138/22 Trương Công Định, P.14, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12



- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Quá trình công tác :
 - × Từ 2000 đến 2006: Công tác tại Phòng Thống kê – Kế toán của Công ty Cổ phần Hoá – Dược Phẩm Mekophar
 - × Từ 2006 đến 2007: Cửa hàng trưởng hiệu Thuốc số 1 tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược Phẩm Mekophar
 - × Từ 2007 đến 2009: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoá – Dược Phẩm Mekophar
 - × Từ 2009 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh của Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 1.508.519 cổ phần, chiếm 16,37% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 221.519 cổ phần, chiếm 2,40% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 1.287.000 cổ phần, chiếm 13,97% vốn điều lệ
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|-----------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Huỳnh Thị Lan | Mẹ | 497.633 | 5,40% |
| Phạm Mạnh Hùng | Cha | 34.236 | 0,37% |
| Trần Quang Tuấn | Chồng | 37.321 | 0,41% |
| Phan Minh Hoàng | Em | 153.630 | 1,67% |
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

a. Trưởng Ban kiểm soát

Bà **Trần Thị Yến**: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19/08/1953
- Nơi sinh : Vĩnh Phúc
- Số chứng minh nhân dân : 011249815
- Ngày cấp : 30/03/1999
- Nơi cấp : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam



- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 45 Trần Đăng Ninh, P. Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- × Từ 1977 đến 1980: Chuyên viên Vụ quản lý ngoại tệ và Tài vụ ngoại thương Bộ Tài chính
- × Từ 1980 đến 1996: Kế toán tổng hợp, Phó phòng Tài chính - Kế toán tại Xí nghiệp Dược phẩm TW1
- × Từ 1996 đến 1998: Phó phòng Tài chính - Kế toán tại Tổng Công ty Dược Việt Nam
- × Từ 1998 đến 1999: Quyền Trưởng Ban kiểm soát của Tổng Công ty Dược Việt Nam
- × Từ 1999 đến 2008: Trưởng ban kiểm soát của Tổng Công ty Dược Việt Nam kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- × Từ 2008 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 2.750 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 2.750 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|---------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Thời Thị Cang | Em | 2.200 | 0,02% |
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

b. Thành viên Ban kiểm soát

Bà **Trần Thị Hà Thanh**: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó trưởng phòng tổ chức hành chính tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/08/1957
- Nơi sinh : Hà Nam



- Số chứng minh nhân dân : 020215188
- Ngày cấp : 05/02/2007
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Lý Nhân, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 46/22 Cư cá Lữ Gia, P.5, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - × Từ 1977 đến 1980: Nhân viên phòng KCS tại Xí Nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1981 đến 1985: Nhân viên phòng Tổ chức tại Xí Nghiệp Dược phẩm TW22
 - × Từ 1985 đến 2002: Nhân viên Phân xưởng Dược phẩm tại Xí Nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 2002 đến 2004: Phó Quản đốc Phân xưởng Dược phẩm tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
 - × Từ 2004 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Hoá – Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Hoá – Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 22.561 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 22.561 cổ phần, chiếm 0,24% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|---------------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Trần Thị Ngọc Quyên | Con | 6.600 | 0,07% |
| Trần Thị Hoàng | Em | 1.100 | 0,01% |
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

c. Thành viên Ban kiểm soát

Ông Trần Trung Ngôn: Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Phân xưởng Thuốc Kháng



sinh Beta-Lactam Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/09/1966
- Nơi sinh : Bến Tre
- Số chứng minh nhân dân : 024640827
- Ngày cấp : 31/10/2006
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Hưng Khánh, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú : Số 366/72/12 Thoại Ngọc Hầu, P.Phú Thạnh, Q.TP, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :
 - × Từ 1992 đến 1996: Công tác tại Phòng Kỹ thuật tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 1996 đến 2000: Trưởng phòng Sản xuất tại Công ty liên doanh Woopyung-Mekophar
 - × Từ 2000 đến 2002: Phó Quản đốc Phân xưởng thuốc Kháng sinh Beta-Lactam tại Xí nghiệp Dược phẩm TW24
 - × Từ 2002 đến 2005: Phó Quản đốc Phân xưởng thuốc Kháng sinh Beta-Lactam Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
 - × Từ 2005 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Quản đốc Phân xưởng thuốc Kháng sinh Beta-Lactam Công ty Cổ phần Hoá – Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Thành viên Ban kiểm soát kiêm Quản đốc Phân xưởng thuốc Kháng sinh Beta-Lactam Công ty Cổ phần Hoá – Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 33.561 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 33.561 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không



12.3. Danh sách thành viên Ban tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc

Bà **Huỳnh Thị Lan**: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

Lý lịch trình bày tại phần a của Hội đồng quản trị

b. Phó Tổng giám đốc

Bà **Đặng Thị Kim Lan**: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

Lý lịch trình bày tại phần b của Hội đồng quản trị

c. Phó Tổng giám đốc

Ông **Lê Quang Đán**: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/07/1945
- Nơi sinh : Bến Tre
- Số chứng minh nhân dân : 020156395
- Ngày cấp : 10/06/2007
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre
- Địa chỉ thường trú : Số 595/17B Cách Mạng Tháng Tám, P.15, Q.10, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học
- Quá trình công tác :
- × Từ 1965 đến 1975: Công tác tại Ban dân y Miền Nam
- × Từ 1975 đến 1978: Trưởng phòng Kế hoạch tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
- × Từ 1978 đến 2002: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính tại Xí nghiệp Dược phẩm TW22
- × Từ 2002 đến 2005: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty Cổ phần Hoá – Dược phẩm Mekophar
- × Từ 2005 đến 2009: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- × Từ 2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 98.350 cổ phần, chiếm 1,07% vốn điều lệ, trong



đó:

- Sở hữu cá nhân: 98.350 cổ phần, chiếm 1,07% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

| Họ và tên | Quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) trên Vốn điều lệ |
|-------------|---------|--------------------|----------------------------|
| Lê Minh Đức | Anh | 16.500 | 0,18% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

12.4. Kế toán trưởng:

Bà Lê Thị Thúy Hằng: Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Hóa -Dược phẩm Mekophar tại Công ty Cổ phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/11/1965
- Nơi sinh : Bình Thuận
- Số chứng minh nhân dân : 021739888
- Ngày cấp : 04/02/2009
- Nơi cấp : Tp.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 234 Lê Quang Sung, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : (08) 3865 0258
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- × Từ 1987 đến 1995: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
- × Từ 1995 đến 1996: Phó Phòng Thống kê -Kế toán tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
- × Từ 1996 đến 1999: Quyền Trưởng phòng Thống kê -Kế toán tại Xí nghiệp Dược phẩm TW 24
- × Từ 1999 đến 2003: Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Mekong
- × Từ 2003 đến 2005: Phó phòng Thống kê -Kế toán của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
- × Từ 2005 đến nay: Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay:



- Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Bao bì Dược
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 72.000 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ, trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 72.000 cổ phần, chiếm 0,78% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao được ĐHCĐ của Công ty thông qua hằng năm
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: không

13. Tài sản:

13.1. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2009:

| <i>Đơn vị tính: đồng</i> | | | |
|--|------------------------|-----------------------|------------------------|
| KHOẢN MỤC | NGUYÊN GIÁ | HAO MÒN LŨY KẾ | GIÁ TRỊ CÒN LẠI |
| Tài sản vô hình | 32.885.231.684 | 1.229.476.575 | 31.655.755.109 |
| <i>Quyền sử dụng đất</i> | <i>31.273.231.684</i> | <i>692.143.239</i> | <i>30.581.088.445</i> |
| <i>Bảng quyền, bằng sáng chế</i> | <i>1.612.000.000</i> | <i>537.333.336</i> | <i>1.074.666.664</i> |
| Tài sản hữu hình (*) | 153.826.728.032 | 82.639.639.921 | 71.187.088.111 |
| <i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> | <i>39.254.641.691</i> | <i>14.438.312.056</i> | <i>24.816.329.635</i> |
| <i>Máy móc và thiết bị</i> | <i>73.833.258.949</i> | <i>47.001.704.489</i> | <i>26.831.554.460</i> |
| <i>Phương tiện vận tải, truyền dân</i> | <i>6.736.044.459</i> | <i>4.794.600.384</i> | <i>1.941.444.075</i> |
| <i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i> | <i>34.002.782.933</i> | <i>16.405.022.992</i> | <i>17.597.759.941</i> |
| CỘNG | 186.711.959.716 | 83.869.116.496 | 102.842.843.220 |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009

(*): Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.739.847.273 đồng.

13.2. Danh mục đất đai Công ty đang quản lý:

| STT | MẶT BẰNG | DIỆN TÍCH (m²) | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | GHI CHÚ |
|------------|--|----------------------------------|---|--------------------------------------|
| 1 | Số 297/5-6 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, Tp.HCM | 11.814,10 | Trụ sở chính bao gồm: Văn phòng làm việc và phân xưởng sản xuất của Công ty; Nhà ăn tập thể của Công ty; Kho nguyên | Đất thuê, thời hạn thuê đến năm 2020 |
| 2 | Số 17-27 và 63 Đường 281 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, | 6.789,20 | | Đất thuê, thời hạn thuê đến |



| | | | | |
|----|--|-----------|---|--------------------------------------|
| | Tp.HCM | | liệu, thành phẩm. | năm 2046 |
| 3 | Số 192 Pasteur, P.6, Q.3, Tp.HCM | 766,00 | Đã được Ủy ban Nhân dân TP.HCM đồng ý cho xây dựng cao ốc văn phòng theo chế độ cho thuê 50 năm và đang được Sở Tài Chính xác định tiền thuê đất. | Đất thuê, thời hạn thuê đến năm 2046 |
| 4 | Số 5 Ngô Thời Nhiệm - 197 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM | 3.287,00 | Đang trong giai đoạn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy phép để xây dựng | Đất thuê, thời hạn thuê đến năm 2046 |
| 5 | Số 10 Trần Huy Liệu, P.12, Q.PN, Tp.HCM | 5.074,80 | Hợp tác xây dựng Bệnh viện An Sinh | Đất thuê, thời hạn thuê đến năm 2046 |
| 6 | 620 Kinh Dương Vương, Q.Bình Tân, Tp.HCM | 9.080,00 | Dự án Xây dựng kho chứa đạt tiêu chuẩn GSP (vẫn còn trong giai đoạn khảo sát) | Đất thuê, thời hạn thuê đến năm 2020 |
| 7 | Số 17A CMT8, P.An Thới, Tp.Cần Thơ | 130,00 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm | Đất mua |
| 8 | Đất tại huyện Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng | 375,00 | Cửa hàng giới thiệu sản phẩm | Đất mua |
| 9 | Văn Thánh – Hà Nội | 217,20 | Kho, văn phòng chi nhánh Hà Nội | Đất mua |
| 10 | Thuận An – Bình Dương | 41.139,20 | Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất mới (vẫn còn trong giai đoạn khảo sát) | Đất mua |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar)

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 - 2011:

14.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

b. Điểm mạnh:

- Doanh nghiệp lâu năm trong ngành, có nhiều kinh nghiệm trong việc sản xuất và phân phối tân dược. Các thành viên lãnh đạo chủ chốt có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành.
- Với hơn 300 sản phẩm, thương hiệu MEKOPHAR đã và đang được người tiêu dùng tin dùng.
- Ban lãnh đạo và các cán bộ chủ chốt có trình độ, gắn bó với MEKOPHAR.
- MEKOPHAR hiện là một trong số ít công ty trong nước sản xuất nguyên liệu sản xuất thuốc betalactam và có thể mạnh với sản phẩm dịch truyền được phân phối chủ yếu qua các bệnh viện nhà nước.
- MEKOPHAR đạt được các tiêu chuẩn về sản xuất, phân phối và lưu trữ thuốc (GMP, GSP và GLP). Nhà máy của MEKOPHAR là một trong 75 nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO trên 180 nhà máy sản xuất thuốc ở Việt Nam.

c. Điểm yếu:

- Việc đầu tư cho kênh phân phối, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới còn nhiều



hạn chế do hạn chế về vốn.

- MEKOPHAR tập trung phân phối thuốc qua các bệnh viện và một số công ty khách hàng truyền thống nên tính ổn định không cao bằng các công ty dược khác với hệ thống phân phối sâu rộng, đưa sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng.

d. Cơ hội:

- Ngành dược Việt Nam đang ở mức độ phát triển 2,5 theo tiêu chuẩn của WHO, chỉ tiêu cho chăm sóc sức khoẻ trên đầu người đang ở mức thấp và có xu hướng tăng nên ngành còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Hiện ngành đang tăng trưởng bình quân 20%/năm.
- Xuất khẩu dược phẩm trong những năm gần đây cũng có nhiều khởi sắc, tổng giá trị xuất khẩu năm 2007 đạt 22,1 triệu USD, tăng 22,1% so với năm 2006 và năm 2008 đạt khoảng 39 triệu USD, tăng 76,4% so với năm 2007.

e. Nguy cơ:

- Tính cạnh tranh của các công ty dược Việt nam kém vì phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu.
- Tình trạng hàng giả, hàng nhái đang có xu hướng gia tăng.
- Mức độ cạnh tranh giữa các công ty trong ngành gia tăng khi các công ty dược nước ngoài được nhập khẩu trực tiếp từ ngày 01/01/2009 theo cam kết gia nhập WTO của Việt Nam.

14.2. Các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện:

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính: ngàn đồng | | |
|----------------------------|------------------------|-------------|-------------|
| | NĂM 2010 | NĂM 2011 | NĂM 2012 |
| Vốn điều lệ | 92.100.000 | 92.100.000 | 92.100.000 |
| Doanh thu thuần | 720.000.000 | 780.000.000 | 820.000.000 |
| Tăng trưởng doanh thu | 11,31% | 8,33% | 5,13% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 75.000.000 | 89.000.000 | 98.000.000 |
| Tăng trưởng lợi nhuận | 22,57% | 18,67% | 10,11% |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | 81,43% | 96,63% | 106,41% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 10,42% | 11,41% | 11,95% |
| Cổ tức (đồng/cổ phiếu/năm) | 2.000 | 2.500 | 2.500 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar)

Tốc độ tăng trưởng cao của ngành dược từ 15-20% mỗi năm sẽ là một điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Các kế hoạch đầu tư phát triển như: tăng vốn điều lệ Công ty, nâng cao năng lực sản xuất các nhà máy hiện tại, đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất mới theo tiêu chuẩn GMP-WHO, mở rộng hệ thống phân phối, góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng, xây dựng bệnh viện.v.v... khi hoàn tất đi vào hoạt động sẽ góp phần đáng kể làm tăng doanh số và lợi nhuận cho Công ty.

14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:



Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho giai đoạn từ năm 2010 – 2012 được Hội đồng quản trị và Ban cố vấn tài chính xây dựng một cách cẩn trọng dựa trên các báo cáo đánh giá của các bộ phận có liên quan. Thông qua kế hoạch này, Mekophar cũng thể hiện định hướng cho sự phát triển của Công ty trong tương lai, luôn xác định mảng sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm là hoạt động chủ đạo và mang lại lợi nhuận ổn định cho Mekophar đồng thời tăng cường phát triển dần nguồn thu từ hoạt động sản xuất các mặt hàng phụ trợ, liên doanh góp vốn với tư cách là cổ đông sáng lập. Đây sẽ là nền tảng để Công ty phát triển ổn định, lâu dài. Điều này được thể hiện rõ nét trong kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 đã được HĐQT báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 26/03/2010. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

| CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH 2009 | THỰC HIỆN 2009 | TỶ LỆ HOÀN THÀNH |
|-----------------------------|---------------|----------------|------------------|
| Doanh thu thuần | 620.000.000 | 646.844.920 | 104,33% |
| Lợi nhuận trước thuế (LNST) | 70.000.000 | 80.918.143 | 115,60% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 56.000.000 | 61.190.687 | 109,27% |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: Không

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu: Không có



V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT:

1. **Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá** : 10.000 đồng
3. **Tổng số cổ phiếu niêm yết** : 9.210.000 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định** : 1.459.481 cổ phiếu

Trong đó :

- Số lượng cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, Kế toán trưởng không phải là thành viên sáng lập: 1.459.481 cổ phần. Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

5. Giá niêm yết dự kiến: 78.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá:

6.1. Phương pháp P/E

Xác định hệ số thị giá trên thu nhập mỗi cổ phần (P/E):

P/E tham chiếu: Chỉ số P/E của cổ phiếu công ty được tham chiếu bởi cổ phiếu của các công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/03/2010, bao gồm: DCL, DHG, DMC, IMP, OPC, TRA. Chỉ số P/E bình quân theo vốn hóa thị trường của các công ty này được tính như sau:

| STT | TÊN CÔNG TY | MÃ CHỨNG KHOÁN | EPS ĐIỀU CHỈNH (ngàn đồng) | VỐN HÓA (tỷ đồng) | PE |
|-----|-----------------------------------|----------------|----------------------------|-------------------|--------------|
| 01 | CTCP Dược Phẩm Cửu Long | DCL | 5,92 | 549 | 9,55 |
| 02 | CTCP Dược Hậu Giang | DHG | 10,90 | 3.145 | 10,82 |
| 03 | CTCP XNK Y Tế DOMESCO | DMC | 5,01 | 823 | 9,38 |
| 04 | CTCP Dược Phẩm IMEXPHARM | IMP | 5,87 | 835 | 12,27 |
| 05 | CTCP Dược Phẩm OPC | OPC | 6,44 | 408 | 7,74 |
| 06 | CTCP Traphaco | TRA | 5,00 | 546 | 10,69 |
| | P/E bình quân theo vốn hóa | | | | 10,50 |

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán số 58 của SGDCK TP.HCM ngày 31/03/2010)

Định giá cổ phiếu MEKOPHAR theo phương pháp so sánh P/E

| STT | CHỈ TIÊU | GIÁ TRỊ |
|-----|---|---------|
| 01 | Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) năm 2009 | 6.753 |



| | | |
|----|--|---------------|
| 02 | Hệ số P/E bình quân theo vốn hoá | 10,50 |
| 03 | Giá cổ phiếu (3 = 1 x 2) (đồng/cổ phần) | 70.927 |

Như vậy, giá niêm yết dự kiến của Công ty được làm tròn theo phương pháp này là **70.000 đồng/cổ phần**.

6.2. Phương pháp P/B

Xác định hệ số thị giá trên giá trị sổ sách của cổ phiếu (P/B):

$$\text{Book value per share} = \frac{\text{Tổng giá trị tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ phải trả})}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu phổ thông} - \text{số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Giá cổ phiếu tính theo P/B: P (Price) = B (Book value) * P/B

P/B tham chiếu: Chỉ số P/B của cổ phiếu công ty được tham chiếu bởi cổ phiếu của các công ty tương đương trong cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/03/2010, bao gồm: DCL, DHG, DMC, IMP, OPC, TRA. Chỉ số P/B bình quân theo vốn hóa thị trường của các công ty này được tính như sau:

| STT | TÊN CÔNG TY | MÃ CHỨNG KHOÁN | GIÁ TRỊ SỐ SÁCH NGÀY 31/12/2009 (đồng) | GIÁ THỊ TRƯỜNG NGÀY 31/03/2010 | P/B |
|-----|-----------------------------------|----------------|--|--------------------------------|-------------|
| 01 | CTCP Dược Phẩm Cửu Long | DCL | 29.554 | 56.500 | 1,91 |
| 02 | CTCP Dược Hậu Giang | DHG | 34.291 | 118.000 | 3,44 |
| 03 | CTCP XNK Y Tế DOMESCO | DMC | 28.575 | 47.000 | 1,64 |
| 04 | CTCP Dược Phẩm IMEXPHARM | IMP | 43.086 | 72.000 | 1,67 |
| 05 | CTCP Dược Phẩm OPC | OPC | 31.424 | 49.800 | 1,58 |
| 06 | CTCP Traphaco | TRA | 24.393 | 53.500 | 2,19 |
| | P/B bình quân theo vốn hóa | | | | 2,61 |

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán số 58 của SGDCK TP.HCM ngày 31/03/2010 và Báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009 của các doanh nghiệp cùng ngành được công bố trên Hose)

Định giá cổ phiếu MEKOPHAR theo phương pháp so sánh P/B

| STT | CHỈ TIÊU | GIÁ TRỊ |
|-----|---|---------------|
| 01 | Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV-Book Value) của Công ty thời điểm 31/12/2009 | 37.280 |
| 02 | Hệ số P/B bình quân theo vốn hoá | 2,61 |
| 03 | Giá cổ phiếu (3 = 1 x 2) (đồng/cổ phần) | 97.300 |

Như vậy, giá niêm yết dự kiến của Công ty được làm tròn theo phương pháp này là **97.000**



đồng/cổ phần.

6.3. Kết luận

Theo kết quả tính toán bằng phương pháp so sánh P/E và P/B nêu trên thì giá của cổ phiếu Mekophar sẽ nằm trong khoảng từ 70.000 – 97.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi xem xét (có tham khảo giá đang giao dịch trên thị trường tự do), chúng tôi xác định và đề xuất giá niêm yết dự kiến của Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar trong ngày giao dịch đầu tiên là **78.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của MEKOPHAR không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài, do vậy việc góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 có hiệu lực từ ngày 01/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 7,95% trên vốn điều lệ.

8. Các loại thuế có liên quan:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Căn cứ theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 09/2003/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2003, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22/12/2003 và Thông tư 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2003, ngành nghề kinh doanh của Công ty nằm trong doanh mục A nên thuế suất thuế TNDN của Công ty áp dụng kể từ năm 2004 đến năm 2011 là 20%. Sau năm 2011, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho kinh doanh dược phẩm là 5%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:

1. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở chính: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 3928 8888 Fax: (84-4) 3928 9888
 Chi nhánh: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 3914 1993 Fax: (84-8) 3914 1991

2. Tổ chức kiểm toán: Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học (AISC)

Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84-8) 3930 5163 Fax: (84-8) 3930 4281



VII. **PHỤ LỤC:**

1. **Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
2. **Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty**
3. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2007.**
4. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2008.**
5. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2009.**
6. **Báo cáo tài chính quý I năm 2010.**
7. **Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu**





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**



HUYNH THỊ LAN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ YÊN

LÊ THỊ THÚY HẰNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC**



VÕ HỮU TUẤN

“vv: điều chỉnh thông tin trong Bản cáo bạch
niêm yết”

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (Mekophar) xin gửi đến Quý Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) lời chào trân trọng.

Ngày 17/05/2010, Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết 9.210.000 cổ phiếu, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 02/06/2010.

Mekophar đã thực hiện việc cung cấp rộng rãi Bản cáo bạch niêm yết trên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.mekophar.com.vn>.

Tuy nhiên, do sơ suất trong quá trình thu thập và soạn thảo Bản cáo bạch nên thông tin về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho giai đoạn năm 2010 – 2012 đã nêu tại trang 63 của Bản cáo bạch bị nhầm lẫn. Mekophar xin đính chính như sau:

- Thông tin đã cung cấp tại trang 63 Bản cáo bạch niêm yết:

| CHỈ TIÊU | NĂM 2010 | NĂM 2011 | NĂM 2012 |
|----------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Vốn điều lệ | 92.100.000 | 92.100.000 | 92.100.000 |
| Doanh thu thuần | 720.000.000 | 780.000.000 | 820.000.000 |
| Tăng trưởng doanh thu | 11,31% | 8,33% | 5,13% |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 75.000.000 | 89.000.000 | 98.000.000 |
| Tăng trưởng lợi nhuận | 22,57% | 18,67% | 10,11% |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | 81,43% | 96,63% | 106,41% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 10,42% | 11,41% | 11,95% |
| Cổ tức (đồng/cổ phiếu/năm) | 2.000 | 2.500 | 2.500 |

- Thông tin đính chính:

| CHỈ TIÊU | NĂM 2010 | NĂM 2011 | NĂM 2012 |
|------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Vốn điều lệ | 92.100.000 | 92.100.000 | 92.100.000 |
| Doanh thu thuần | 720.000.000 | 780.000.000 | 820.000.000 |
| Tăng trưởng doanh thu | 11,31% | 8,33% | 5,13% |
| Lợi nhuận trước thuế (LNSTT) | 75.000.000 | 89.000.000 | 98.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 60.000.000 | 71.200.000 | 73.500.000 |



| | | | |
|----------------------------|--------|--------|--------|
| Tăng trưởng lợi nhuận | -1,95% | 18,67% | 3,23% |
| Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | 65,15% | 77,31% | 79,80% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 8,33% | 9,13% | 8,96% |
| Cổ tức (đồng/cổ phiếu/năm) | 2.000 | 2.500 | 2.500 |

▪ Lý do đình chính:

Do nhằm lẫn trong việc ghi nhận chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thành sau thuế.

Chúng tôi cam kết rằng tất cả các thông tin về sự thay đổi ở trên sẽ được cập nhật đầy đủ vào Bản cáo bạch chính thức trước khi Mekophar tiến hành giao dịch cổ phiếu trên HOSE vào ngày 02/06/2010.

Trên đây là những ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar. Kính mong Quý Sở xem xét.

Trân trọng kính chào./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH TP.HCM**



VÕ HỮU TUẤN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỌNG GIÁM ĐỐC**



HUỲNH THỊ LAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư;

